



BÁO CÁO TH NG NIÊN

N m 2012

Tên công ty: Công ty C ph n Xây l p i n l.
Tên ti ng Anh: Power Construction Joint Stock Company No.1
Tên ti ng Anh vi t t t: PCCI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao d ch: Công ty C ph n Xây l p i n l.
- Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh nghi p s : 0100100745.
- V n i u l : 130.000.000.000 ng.
- V n u t c a ch s h u: 140.000.000.000 ng.
- a ch : 583 Nguy n Tr i – Thanh Xuân – Hà N i.
- S i n tho i: 04.38456329 Fax: 04.38231997
- Website: www.pcci.vn

2. Quá trình hình thành và phát tri n

Công ty C ph n Xây l p i n l c thành l p ngày 2/3/1963 v i tên g i ban u là Công ty Xây l p ng dây và tr m. th i i m thành l p, Công ty có 4.000 cán b , công nhân viên, 5 i công trình, 3 công tr ng, 1 oàn xe, 1 phân x ng c khí. Tr s Công ty 20 Tr n Nguyên H n (Hà N i).

Giai o n 1967 – 1970: Ngày 30/6/1967, B Công nghi p N ng ra quy t nh thành l p Công ty Xây l p ng dây và Tr m, tr c thu c C c i n l c. L c l ng lao ng c a Công ty lúc này có kho ng 2.000 ng i, 16 i công trình. Tr s Công ty t t i 33 Tr n H ng o, Hà N i. n n m 1968, khi th c hi n s tán ch ng chi n tranh phá ho i c a qu c M xâm l c thì tr s Công ty d i v xã Phú Di n, huy n T Liêm (Hà N i).

Ngoài nhi m v chính là s n xu t, Công ty còn chú tr ng n công tác giáo d c, ào t o. Công ty ã ra quy t nh thành l p Tr ng B túc v n hóa Ph ng Nh (huy n Thanh Oai, t nh Hà S n Bình, nay thu c thành ph Hà N i). Ngày 25/10/1968, ba l p c p 1 ã chính th c khai gi ng. Ngày 26/6/1969, m l p d y ngh công nhân k thu t

ưu tiên cho 54 học viên, khóa học diễn ra trong 3 tháng. Sau đó, trường chuyển lên Quy Võ, tiếp tục mở các lớp Bức xạ và Hóa.

Giai đoạn 1970 – 1975: Ngày 30/6/1970, thành lập Công ty Xây lắp ngành dây và Trám thu nước Bình và Thanh. Trước đó, Công ty là đơn vị ngành Công, là cơ quan quản lý cấp trên của các xí nghiệp, thực hiện hạch toán kinh tế toàn diện và tập trung. Tổng công bố máy của Công ty bao gồm: 04 Xí nghiệp Xây lắp, 03 Xí nghiệp phụ trợ, 07 Công trình thu nước. Tháng 6/1971, Trường công nhân kỹ thuật của Công ty khai giảng lớp dự nghiệp công nhân kỹ thuật thứ hai cho 345 học viên. Đây là công nghệ tiên tiến nhất của trường đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty.

Giai đoạn 1975 – 1979: Công ty Xây lắp ngành dây và Trám viễn thông chuyển đổi và hoàn chỉnh. Công ty thành lập các đơn vị: Công trình lắp đặt Quy Tr, Công trình Miền Châu, Xí nghiệp Xây dựng, Phân viện Thị trấn, Trám xá, Trường công nhân kỹ thuật. Quân số của Công ty lúc này có 3.500 người.

Trong giai đoạn này, trình độ xây lắp ngành dây của Công ty đã nâng lên một tầm cao mới. Công ty đã sản xuất và xây dựng các ngành dây 220kV, thực hiện công việc hoàn thành xuất sắc hai ngành dây 220kV Hà Nội – Hòa Bình và ngành dây 220kV Thanh Hóa – Vinh.

Công trình xây dựng ngành dây 220kV Hà Nội – Hòa Bình là công trình tiên tiến 220kV đầu tiên mà Công ty Xây lắp ngành dây và Trám đảm nhận, đã khẳng định vị thế xây lắp ngành dây và Trám của Viện Nam hoàn toàn năng lực thực hiện các công trình ngành dây và trám trình cao. Trước đó, ngành điện lực Viện Nam hiện tại đã có nền móng vững chắc, chủ yếu cho việc nâng cao trình độ từ 110kV lên 220kV và 500kV trên phạm vi quốc gia.

Năm 1978, Bộ Điện công nghiệp cán bộ của Công ty vào Miền Nam, thành lập Công ty ngành dây và Trám 2, có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn 1979 – 1981: Công ty Xây lắp ngành dây và Trám thu nước Bình và Thanh đổi tên thành Công ty Xây lắp ngành dây và Trám 1.

Giai đoạn 1981 – 1988: Năm 1983, do yêu cầu phát triển lắp đặt các công trình nên Bộ đã quyết định tách và nâng cấp các xí nghiệp, công trình của Công ty thành lập các công ty thu nước Bình và Thanh, cụ thể là:

- Tách Xí nghiệp lắp trám ống Anh ra khỏi công ty thành lập công ty xây lắp ngành dây và trám ống tại ống Anh.
- Tách Xí nghiệp Xây lắp ngành dây và Trám khu vực Hà Nội, thành lập Công ty Xây lắp ngành dây và Trám khu vực Hà Nội.
- Tách Xí nghiệp ngành dây 1, thành lập Công ty Xây lắp ngành dây và Trám 3 ống tại Vinh.
- Tách Công trình Quy Tr, thành lập Công ty Xây lắp ngành dây và Trám 5 ống tại Vinh.

Giai đoạn 1988 – 2005: Năm 1988, thành lập Công ty Xây lắp điện I, trực thuộc Bộ Năng lượng trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp điện dây và Trạm biến áp Công ty Xây lắp điện dây và Trạm Hòa Bình.

Tháng 04 năm 1992, ngành Xây lắp điện dây và Trạm trong cơ cấu có 04 Công ty: Công ty Xây lắp điện I, Công ty Xây lắp điện II, Công ty Xây lắp điện III, Công ty Xây lắp điện IV với giá trị 10.000 VNĐ. Các Công ty đã thực hiện giao nhiệm vụ xây dựng và hoàn thành 1.487 km đường dây 500kV Bắc Nam mạch I. Trong đó, Công ty Xây lắp điện I thực hiện nhiệm vụ xây dựng đường dây Hòa Bình – Hà Tĩnh dài 342 km.

Vị trí tham gia xây dựng đường dây 500kV Bắc Nam khi đó là: Công ty Xây lắp điện I đã thực hiện thành công nhiệm vụ. Vị trí ưu tiên tiếp theo, trong 730 ngày làm việc nghiêm túc và sáng tạo, người lãnh đạo Công ty Xây lắp điện I đã đứng đầu công nhân công nhân chi công nhân hàng công nhân trên các địa hình phức tạp, địa hình núi cao, vực sâu. Hi vọng lao động của công nhân cán bộ, kỹ sư, công nhân Công ty Xây lắp điện I trên công trình xây dựng đường dây 500kV Bắc – Nam có ảnh hưởng là xuất sắc, tốt và vượt trội.

- Năm 1995, Công ty trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

- Năm 1998, Công ty trực thuộc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam, trực thuộc Bộ Công nghiệp.

Trong bối cảnh hoàn cảnh nào, Công ty vẫn luôn luôn chú ý phát huy sức mạnh của mình, đó là vị trí xây lắp điện I trên các công trình quốc gia. Nhiệm vụ công trình hoàn thành xuất sắc đã vinh danh người lãnh đạo Công ty Xây lắp điện I: đường dây 500 kV Bắc Nam mạch I, 2, đường dây 500kV Pleiku - Phú Lâm, đường dây 500 kV Phú Lâm – Ô Môn. Các trạm biến áp 500 kV: Tân Ninh - Bình Định, công nhân... đường dây 220kV Hòa Bình – Sóc Sơn – Thái Nguyên; đường dây 220kV Vĩnh Lộc – Việt Trì; đường dây 220kV Hòa Bình – Hà Nội III; đường dây 220kV Tràng Bạch – Việt Cách – Hòa; đường dây 220kV Phú Lễ – Sóc Sơn – Ninh Bình – Thanh Hóa... và các trạm biến áp 220kV.

Năm 2001, Công ty Xây lắp điện I gồm các thành viên là: Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp điện, Xí nghiệp Vật liệu và Xây dựng điện, Xí nghiệp Công nghệ và Xây dựng điện, Xí nghiệp Xây lắp điện - Công trình công nghiệp, Xí nghiệp Thiết bị xây dựng điện, Xưởng Khí Yên Thế, Trạm xá, Ban chỉ đạo miền Nam và các công nhân xây lắp điện I, 2, 3, 4, 5, 6, 8.

Liên tục trong nhiệm kỳ, Công ty đạt mức tăng trưởng kinh tế 15-20%. Năm 2001, Công ty sản xuất 194 triệu đồng. Năm 2005, Công ty tăng sản xuất 254 triệu đồng; tổng doanh thu gần 230 triệu đồng. Đây là những thành công to lớn cho bước phát triển mới của Công ty khi chuyển bước vào thực hiện chiến lược phân hóa danh nghiệp nhà nước.

Giai đoạn 2005 - nay: Năm 2005, Công ty Cổ phần Xây lắp hiện tại là công ty cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây lắp hiện tại. Sau khi doanh nghiệp khác thì vì công ty cổ phần hóa của Công ty đi ra giai đoạn 3 vì từ ngày 10 tháng 5 năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã có Quyết định số 143/HBT là chính thức doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi thành công ty cổ phần. Sau đó, vì công ty cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước đã đi ra theo 3 giai đoạn: giai đoạn thứ nhất từ năm 1990 đến năm 1997; giai đoạn thứ hai từ năm 1998 đến năm 2001; giai đoạn cuối công ty cổ phần hóa bắt đầu từ năm 2002.

Sau công ty cổ phần hóa, Công ty gặp phải nhiều khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn thay đổi, áp dụng phương pháp quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định quản lý trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, nghiêm túc hành lang pháp lý cho các nhân viên hoạt động, nghiêm túc kiểm soát chi tiêu các chi phí trong quá trình SXKD.

Một vấn đề trọng tâm mà Công ty luôn luôn quan tâm là quy trình làm việc xây dựng chính sách nhân sự và văn hóa. Trên cơ sở đó, Công ty đã tháo gỡ các vướng mắc liên quan như: ứng dụng công nghệ, thi công, con người và lựa chọn thị trường phù hợp.

Xác định vị trí công nghệ là một trong những yếu tố quyết định năng suất, chất lượng công trình, Công ty đã không ngừng đầu tư cho lĩnh vực này. Đến năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư công nghệ thi công sản xuất thiết bị 110kV, 220kV tại Công ty TNHH Chế tạo thép Huyndai - Đông Anh (Hà Nội), đầu tư sản xuất thiết bị kết cấu thép. Công ty cũng đã hoàn thành việc đầu tư thi công máy móc tại Nhà máy Yên Thế ngày nay: Dây chuyền gia công thép góc CNC, máy cắt CNC, xe cẩu trên trục bánh lốp 10 tấn, TBA 35/0,4kV... Công việc quan trọng nhất trong thời gian này là Công ty đã hoàn thành kế hoạch đầu tư công nghệ thi công kéo dây điện áp cao phi thuy nhiên. Về phương pháp và thi công của công nghệ này, Công ty đã hoàn thành việc kéo dây cho công trình đường dây 500kV Sơn La - Hòa Bình, công trình đường dây 220kV Nho Quế 3 - Cao Bằng; thay dây dẫn chủ yếu từ các đường dây 110kV, 220kV thuộc Công ty hiện tại của Hà Nội. Việc đầu tư công nghệ thi công kéo dây điện áp cao cho các đường dây 500kV, 220kV cũng thể hiện trong tất cả các khâu: Lựa chọn, mua sắm, lắp đặt, chuyển giao và Công ty đã áp dụng thành công trong các tiến độ sản xuất, kinh doanh. Bằng cách phá vỡ tính tiên phong của PCC1 cũng đánh giá cao cho việc hình thành một ý tưởng thi công mới và một phương án thi công mới trong lĩnh vực đầu tư hiện tại, truy cập internet. Đó, hiện tại sản xuất, kinh doanh cũng nâng cao; Công ty cũng có sự chuyên nghiệp, kỹ thuật hiện đại và dịch vụ khách hàng, tác nhân và thị trường.

Tính chất chủ yếu là nhà thầu xây lắp, hiện nay công ty đã vươn lên trở thành nhà thầu xây lắp hiện tại trong việc thể hiện các hợp đồng EPC và hợp đồng xuất

kh u. ó là nh ng thành công b t ngu n t chí n l c nâng cao n ng l c trong xây l p i n, th c hi n các h p ng theo hình th c thi t k , cung c p và xây d ng. Tiêu bi u cho m ng ho t ng này là vi c th c hi n các gói th u EPC – Z 110kV B c Giang – Quang Châu; gói th u EPC – Z 500kV Nhà Bè –Metro city; gói th u EPC – DK &TBA 110kV c p i n cho Nhà máy Hóa ch t Lào cai... V xu t kh u, các h p ng c a PCC1 v i các i tác Nh t B n, Hàn Qu c, Pakistan, Chile... u m b o ti n , ch t l ng và hi u qu , c khác h hàng ghi nh n và ánh giá cao.

Công ty th c hi n kinh doanh a ngành: xây l p i n; ch t o c t thép thanh d i n 750 kV và c t i n n thân 220 kV có1, 2, 4 m ch m k m nhúng nóng. Công ty là n v duy nh t t i Vi t Nam có kh n ng v a thi t k , ch t o và l p t các s n ph m c t thép này; u t kinh doanh b t ng s n; d ch v t v n thi t k i n...

Công ty xác nh 3 m c tiêu l n là: T ng tr ng n nh, phát tri n v ng ch c, t o s khác bi t và gi v ng v trí hàng u trong l nh v c xây l p công trình truy n t i i n Vi t Nam, v trí hàng u trong vi c s n xu t c t thép liên k t thanh và c t n thân t i Vi t Nam; th c hi n u t và t ng c ng h p tác u t , ph n u t hi u qu cao, t o đ ng ti m l c tài chính m nh cho Công ty làm n n t ng ti p t c u t và phát tri n; xây d ng môi tr ng v n hóa doanh nghi p cùng v i ngu n l c và n ng l c c nh tranh th c s c a Công ty, ti p t c xác l p m t v th m i c a PCC1 i v i khách hàng, i tác và th tr ng. M c dù trong b i c nh suy thoái ki nh t th gi i, kinh t Vi t Nam g p nhi u khó kh n, nh ng nh ng n m 2009, 2010, 2011, 2012 Công ty v n có m c t ng tr ng doanh thu hàng n m trên 15%, v i doanh thu hang n m trên 1.000 t ng, l i nhu n hàng n m t t 30% n 60% trên v n i u l . ây là nh ng c g ng r t l n c a Công ty, là s kh ng nh v th c a Công ty trên th tr ng.

Sau b y n m chuy n thành Công ty c ph n, PCC1 v n trung thành v i truy n th ng phát huy s c m nh oàn k t t p th . Lãnh o Công ty chú tr ng ch m lo i s ng v t ch t, tinh th n c a cán b , công nhân viên; v a tôn tr ng v a t ra yêu c u cao i v i i ng ng i lao ng t t c các v trí công tác. Ph ng châm hành ng c a Công ty là: **“Ch t l ng - Ti n - Giá thành - Th m m công nghi p”**. Công ty ti p t c chú tr ng ng viên cán b , công nhân viên phát huy trí tu , tinh th n sáng t o, th c hi n c i ti n k thu t nâng cao n ng su t lao ng mà v n b o m ch t l ng s n ph m. M t trong nh ng sáng ki n i n hình là “Máy th i khí khô” c a Công ty TNHH MTV Xây l p i n l – Hoàng Mai, a Công ty tr thành n v u tiên trong c n c s đ ng thi t b x lí cách i n m c a máy bi n áp và các thi t b i n 500kV. Sáng ki n này ã c áp d ng thành công t i TBA 500kV Qu ng Ninh, TBA 500kV Th ng Tín, TBA 500kV Ô Môn... i u áng chú ý là sáng ki n này ã ti t ki m c nh i u chi phí do không ph i nh p thi t b t n c ngoài. M t sáng ki n có giá tr khác là sáng ki n c a Công ty TNHH Ch t o c t thép ông Anh – Hyundai trong vi c ch t o gá m c t n thân có ng kính l n, m b o chính xác các thông s k thu t.

Vinh đ to l n n v i i ng cán b , công nhân viên Công ty c ph n xây l p i n l là trong tháng 11/2012, ngay tr c ng ng c a n m th 50 ngày thành l p, Công ty ã c t ng th ng Huân ch ng c l p h ng Nh t. Nhi u t p th , cá nhân c a Công ty c ng c t ng th ng nhi u danh hi u cao quý. ó là s ng viên thi t th c Công ty ti p t c ph n u t nhi u thành tích to l n h n n a trong nh ng n m ti p theo.

50 n m – tròn n a th k ng hành cùng t n c, PCC1 ã vi t nên nh ng trang vàng truy n th ng t t p và t tin h ng t i vi c chinh ph c nh ng t m cao m i, óng góp thi t th c vào công cu c xây d ng t n c giàu m nh, v n minh.

Trong nh ng n m g n ây, bên c nh ngành ngh truy n th ng là xây d ng các công trình ng dây và tr m bi n áp, Công ty c ng chú tr ng n vi c a d ng hóa các ngành ngh khác phù h p v i phát tri n c a n n kinh t và n ng l c c a công ty nh u t các đ án b t ng s n, h p tác u t

3. Ngành ngh và a bàn kinh doanh

- Ngành ngh kinh doanh:

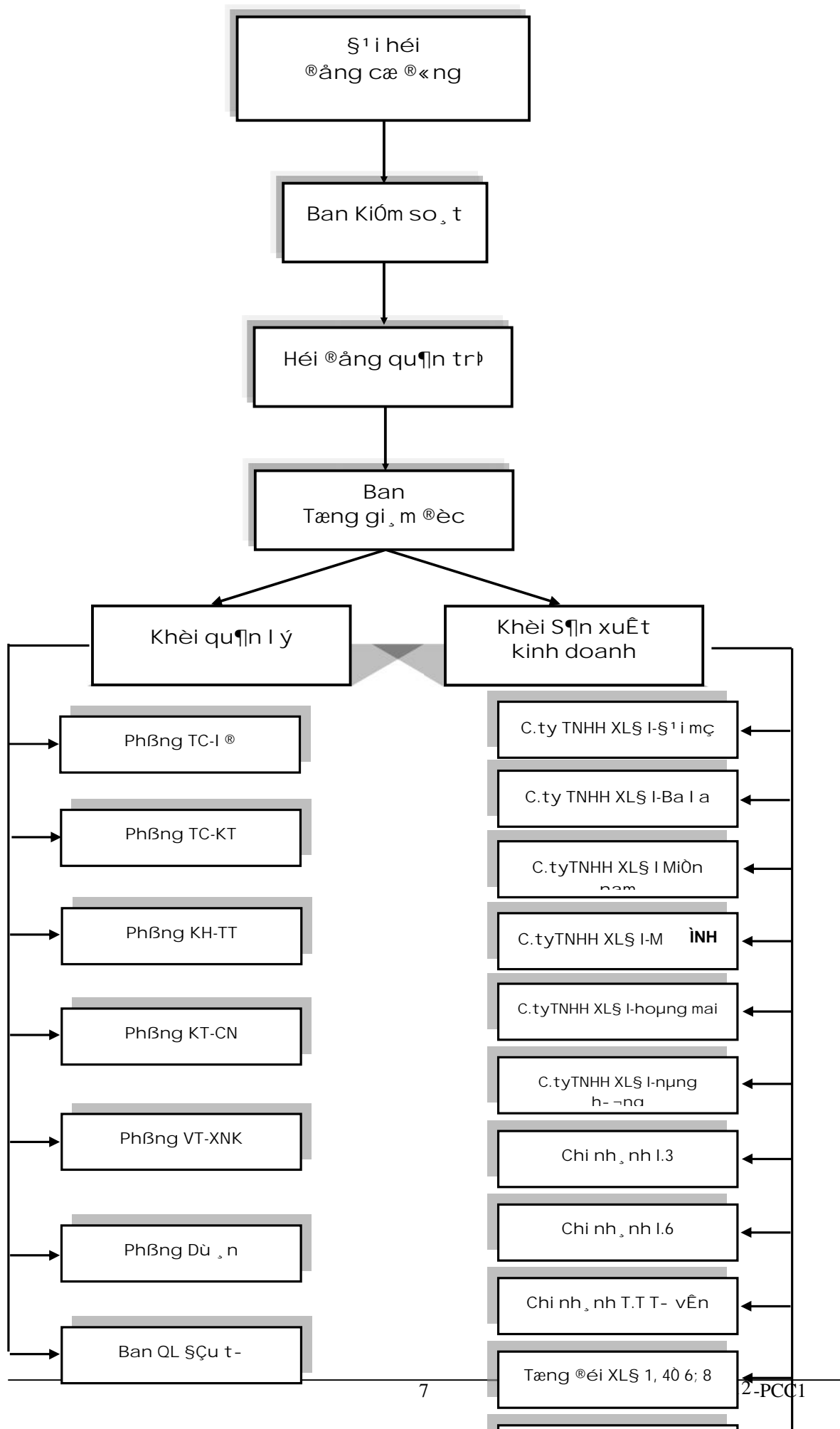
- + Xây l p các công trình ng dây t i i n và TBA;
- + S n xu t, kinh doanh i n;
- + S n xu t kinh doanh, thi t b , k t c u thép, v t li u và ph ki n công trình i n, ch t o thi t b xây d ng;
- + Kinh doanh b t ng s n;
- + T v n u t , kh o sát, thi t k xây d ng các công trình i n, t v n giám sát, n bù, gi i phóng m t b ng;
- + o c b n a chính, gi i th a trích o th a t ph c v n bù thi công công trình ;
- + S n xu t ch t o c t thép, m k m nhúng nóng và các c u ki n kim lo i ph c v dân d ng và công nghi p;
- + T ch c đ ch qu n lý, v n hành và khai thác khu ô th , nhà chung c cao t ng.

- a bàn ho t ng kinh doanh:

- + Mi n B c: Hà N i, Thái Nguyên, B c Giang, Qu ng Ninh, H i Đ ng, Cao B ng;
- + Mi n Trung: c Nông;
- + Mi n Nam: TP H Chí Minh, Bình Đ ng, Bình Ph c.

4. Thông tin v mô hình qu n tr , t ch c kinh doanh và b máy qu n lý

- Mô hình qu n tr và c c u b máy qu n lý



- Các Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con:

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Ba La**

- Địa chỉ: Km 0 Quốc lộ 21B, xã Phú Lương, quận Hà Đông, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Việt Mỹ**

- Địa chỉ: Thôn Chanh, xã Việt Mỹ, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Miền Nam**

- Địa chỉ: Cao ốc An Khang, số 28 đường 19 khu phố 5, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh.

- Vốn đầu tư: 10.000.000.000 đồng

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Miền Bắc**

- Địa chỉ: Xóm 7, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Hoàng Mai**

- Địa chỉ: Số 471 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 5.000.000.000 đồng

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Nàng Hằng**

- Địa chỉ: Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 725.509.851 đồng

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ

*** Công ty TNHH Mật thành viên Xây lắp số 1 – Miền Bắc (Thành lập ngày 01/06/2012)**

- Địa chỉ: Thôn Ch, xã M, huyện T Liêm, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 3.000.000.000 đồng.

- PCC1 nắm giữ: 100% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp

*** Công ty TNHH Chế tạo kết cấu thép Công Anh - Hyundai**

- Địa chỉ: T 23, thị trấn Công Anh, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 2.857.000 USD.

- PCC1 nắm giữ: 90% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các kết cấu thép m, kết cấu thép, phôi thép, phôi kim loại liên quan và cung cấp dịch vụ mua bán thép, kết cấu thép và vật tư phụ trợ sản xuất, chế tạo kết cấu thép, mua bán vật tư, thi công kết cấu thép.

*** Công ty Cổ phần Tiến số 1**

- Địa chỉ: Số 583 Km 9 Ngõ Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 2.000.000.000 đồng.

- PCC1 nắm giữ: 80% vốn đầu tư

- Ngành nghề kinh doanh: Thương mại.

*** Công ty Cổ phần Hóa phẩm Phú Gia Việt Nam**

- Địa chỉ: Xã Xuân Phú, huyện T Liêm, TP Hà Nội

- Vốn đầu tư: 6.800.000.000 đồng.

- PCC1 nắm giữ: 51% vốn đầu tư.

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm dunnit, dunnit, dunnit kim loại.

Công ty liên kết:

*** Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng**

- Địa chỉ: Ngõ Hoàng Việt, phường Hiệp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Vốn đầu tư: 385.000.000.000 đồng.

- PCC1 nắm giữ: 22% vốn đầu tư.

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến khoáng sản.

5. Những phát triển

- Những phát triển của Công ty trong thời kỳ CNH, HĐH và hình thành quy trình ngày càng sâu rộng là:

- Thúc đẩy kinh tế toàn diện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cơ cấu quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp cao.

- Giữ vững vị trí nền tảng xây dựng và chốt hạ các dự án trọng điểm.

- Mở rộng thị trường và sản phẩm ra ngoài ngành điện, phát triển thị trường nước ngoài và thị trường EPC, PC xây dựng và vận hành các dự án.

- Chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm phát triển Công ty theo hướng bền vững.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Các chỉ tiêu cơ bản tăng trưởng trên 15%, kiểm soát tốt tình hình tài chính, đảm bảo công nhân viên làm, tăng thu nhập cho CB-CNV.

- Tập trung xây dựng chỉ tiêu của Công ty, nâng cao năng lực quản lý các bộ phận, đầu tư phát triển công nghệ, bắt đầu giai đoạn nâng cao sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực.

- Nghiên cứu lộ trình đầu tư và hợp tác đầu tư thị trường trong giai đoạn khó khăn hiện nay, đảm bảo hiệu quả và lộ trình cho giai đoạn tiếp theo.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển thị trường mới cách chuyên nghiệp và chuyên nghiệp, có nhân lực và phù hợp với Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Xác định xây dựng và sản xuất công nghiệp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính, chỉ mở rộng thị trường chủ yếu trong toàn bộ các doanh nghiệp và lợi nhuận của Công ty.

+ Bên cạnh đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh chính và các dự án đầu tư hiện tại. Công ty xây dựng chỉ tiêu đầu tư và hợp tác đầu tư vào ngành hàng khác cho ngành kinh doanh chính của Công ty và đầu tư vào các ngành nghề có lợi nhuận tiềm năng trong tương lai.

+ Chú trọng nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm phát triển Công ty theo hướng bền vững.

- Trách nhiệm xã hội công nghiệp:

+ Nhân viên công nhân luôn có Ban lãnh đạo Công ty và CBCNV hàng ngày tích cực thông qua hình thức hàng ngày công nhân trực tiếp đóng góp tài sản. Vì công nhân xem là trách nhiệm của Công ty với xã hội. Nhiệm vụ Công ty sẽ thực hiện nhân viên công nhân thị trường tiếp theo:

+ Trao quà cho các nhân viên da cam Quân Hai Bà Trưng với tổng số tiền là 50 triệu đồng.

+ Công nhân viên nghèo với số tiền là 50 triệu đồng.

+ Ngoài ra Công ty cũng tham gia các hoạt động khác.

Tham gia các hoạt động xã hội thiện nguyện, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội là nét truyền thống của CBCNV PCC1 xây dựng nên hình ảnh của.

6. Các rủi ro

Xây l p i n và s n xu t công nghi p là m t ngành ch a nhi u y u t r i ro, h n n a do tình hình kinh t xã h i hi n nay nói chung nên vi c ánh giá r i ro và phòng tránh c bi t quan tr ng. Công tác qu n tr r i ro c Công ty quan tâm, t p trung ch y u vào vi c ki m soát r i ro v qui trình ho t ng, r i ro v kinh t và r i ro v pháp lý... làm t t i u này các phòng ban ch c n ng c a Công ty khi th c hi n nhi m v theo ch c n ng nhi m v ph i ki m soát chi phí và h p ng r t ch t ch theo qui trình ho t ng c a Công ty và qui nh c a pháp lu t, ki m tra tính pháp lý các i u kho n c a h p ng, các báo cáo, ánh giá ... tr c khi phê duy t, qua ó nh m phát hi n các sai sót kh c ph c và s a ch a k p th i.

II. Tình hình ho t ng trong n m

1. K t qu ho t ng s n xu t kinh doanh trong n m:

- Giá tr s n xu t kinh doanh: 1.584,276 t ng; t: 117% KH n m.

- T ng doanh thu: 1.407,458 t ng; t:128% KH n m.

Trong ó:

- Doanh thu xây l p: 926,52 t ng

- Doanh thu SXCN: 429,55 t ng

- Doanh thu t v n, d ch v khác: 51,38 t ng

- Giá tr l i nhu n:

- L i nhu n sau thu : 61,305 t ng; t: 139% KH n m

- T l l i nhu n trên v n i u l : 44 %

- Trích n p ngân sách: 67,835 t ng

- T ng qu l ng: 163,576 t ng

- Thu nh p BQ toàn Công ty: 7.050.000 ng t: 115% KH n m

2. T ch c và nhân s

Danh sách thành viên Ban Giám c

2.1. T ng Giám c - Tr nh V n Tu n

✓ *Gi i tính:* Nam

✓ *Ngày tháng n m sinh:* 05/07/1962

✓ *S CMND:* 012298607 do CA Hà N i c p ngày 26/10/2006

✓ *Qu c t ch:* Vi t Nam

✓ *Dân t c:* Kinh

✓ *Trình chuyên môn:* K s i n

✓ *Ch c v ang n m gi :* Ch t ch H QT kiêm T ng giám c Công ty c ph n xây l p i n l

✓ *Quá trình công tác:*

- 7-1997 n 5-1999: i tr ng i thí nghi m Công ty Xây l p i n l - B n ng l ng

- 6-1999 n 2-2000 Phó phòng k ho ch kinh doanh Xí nghi p c khí và XD i n
- 02-2000 n 3-2001 Tr ng phòng k ho ch kinh doanh Xí nghi p xây
- 4-2001 n 6-2002 d ng i n; Phó giám c Xí nghi p l p máy và xây d ng i n
- 7-2002 n 11-2002 P. k ho ch-t ngh p Công ty Xây l p i n l
- 12-2002 n 10-2003 Phó tr ng ban Ban ch huy công trình Z500KV Pleiku - à N ng - Cty CPXL 1
- 10-2003 n 8-2005 Giám c Xí nghi p l p tr m và xây d ng dân d ng- Công ty c ph n Xây l p i n l
- 9-2005 n 9-2007 Ch t ch H QT kiêm G Cty CPTM xây l p công nghi p Th ng Long
- 10-2007 n 3-2010 T ng giám c công ty kiêm y viên H QT Công ty c ph n Xây l p i n l
- 4-2010 n nay Ch t ch H QT kiêm T ng giám c công ty Công ty c ph n Xây l p i n l

2.2. Phó T ng Giám c – V V n T

- ✓ *Gi i tính:* Nam
- ✓ *Ngày tháng n m sinh:* 04/11/1959
- ✓ *S CMND:* 011374114 do CA Hà N i c p ngày 06/07/2006
- ✓ *Qu c t ch:* Vi t Nam
- ✓ *Dân t c:* Kinh
- ✓ *Trình chuyên môn:* K s i n
- ✓ *Ch c v ang n m gi :* Phó ch t ch H i ng qu n tr kiêm Phó T ng Giám c
- ✓ *Quá trình công tác:*
 - 9-1982 n 4-1984: Công nhân Công ty Xây l p Z và tr m.
 - 5-1984 n 6-1986: Cán b k thu t Công ty Xây l p Z và tr m.
 - 9-1986 n 8-1989: H c chuyên tu
 - 9-1989 n 2-1992: K s Công ty Xây l p i n
 - 3-1992 n 8- 1993: K s ban ch huy công trình Z500KV
 - 9-1993 n 11-1993: K thu t i xây l p i n 2-Công ty Xây l p i n l
 - 12-1993 n 5-1999: i phó i xây l p i n 2-Công ty Xây l p i n l
 - 9-1999 n 8-2005: T ng i tr ng t ng i xây l p i n 2 - Công ty Xây l p i n l

- 9-2005 đến 4-2006: Giám đốc XN xây lắp - Công ty Xây lắp
- 5-2006 đến 9-2007: Phó Tổng giám đốc Công ty Xây lắp
- 10-2007 đến 3-2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp
- 4-2010 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp

2.3. Phó Tổng Giám đốc – Võ Hoàng Quang :

- ✓ *Giới tính:* Nam
- ✓ *Ngày tháng năm sinh:* 17/01/1975
- ✓ *Số CMND:* 012720026 do CA Hà Nội cấp ngày 02/7/2004
- ✓ *Quốc tịch:* Việt Nam
- ✓ *Dân tộc:* Kinh
- ✓ *Trình chuyên môn:* Kỹ sư
- ✓ *Chức vụ đang nắm giữ :* Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CPXL 1, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV XL 1 Miền Nam.
- ✓ *Quá trình công tác:*
 - 7-2001 đến 5-2002 Phó phòng Marketing Công ty Xây lắp
 - 6-2002 đến 6-2007 Trưởng Ban địa chính Miền Nam Công ty Xây lắp
 - 05-2006 đến 03-2008 Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Ban địa chính Miền Nam Công ty Cổ phần Xây lắp
 - 04-2008 đến nay Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Xây lắp, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV XL 1 Miền Nam.

2.4. Phó Tổng Giám đốc - Nguyễn Văn Văn

- ✓ *Giới tính:* Nam
- ✓ *Ngày tháng năm sinh:* 05/12/1954
- ✓ *Số CMND:* 010374119 do CA Hà Nội cấp ngày 07/7/2005
- ✓ *Quốc tịch:* Việt Nam
- ✓ *Dân tộc:* Kinh
- ✓ *Trình chuyên môn:* Kỹ sư - Thạc sĩ kinh tế
- ✓ *Chức vụ đang nắm giữ :* Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp
- ✓ *Quá trình công tác:*

- 04-1978 đến 12-1984 Kỹ thuật viên Nhà máy dệt dệt c s 1-B c khí luy n kim-Hà N i
- 01-1985 đến 03-1991 Phó phòng C i n Nhà máy dệt dệt c s 1- B c khí luy n kim-Hà N i
- 04-1991 đến 04-1992 Kỹ thuật viên Xí nghi p c khí i n Công ty XL 1- B n ng l ng
- 05-1992 đến 01-1995 Tr ng phòng TCL Xí nghi p c khí i n Công ty XL 1-B n ng l ng
- 02-1995 đến 11-1997 Phó phòng Công ty XL 1
- 05-1998 đến nay Tr ng phòng TCL Công ty CPXL 1
- 07-2007 đến nay Phó t ng giám c – kiêm tr ng phòng TCL Công ty CPXL 1

2.5. Phó T ng Giám c - ng V n Ngh a

- ✓ *Gi i tính:* Nam
- ✓ *Ngày tháng n m sinh:* 29/09/1959
- ✓ *S CMND:* 011563294 do CA Hà N i c p ngày 13/10/2005
- ✓ *Quốc tịch:* Vi t Nam
- ✓ *Dân tộc:* Kinh
- ✓ *Trình chuyên môn:* Kỹ s i n
- ✓ *Ch c v ang n m gi :* Phó t ng giám c Công ty C ph n Xây l p i n l
- ✓ *Quá trình công tác:*
 - 06-1975 đến 09-1980 Công nhân Công ty XL Z và tr m khu v c Hà N i
 - 10-1980 đến 09-1985 Công nhân H p tác lao ng t i C ng hòa liên bang c
 - 10-1985 đến 9-1992 Công nhân Xí nghi p c khí và xây d ng i n
 - 10-1992 đến 9-2003 i tr ng Xí nghi p xây l p tr m Công ty Xây l p i n l
 - 10-2003 đến 9-2007 Phó Giám c Xí nghi p xây l p tr m Công ty Xây l p i n l
 - 10-2007 đến 9-2008 Tr ng phòng Kỹ thuật Công ty c ph n xây l p i n l
 - 10-2008 đến nay Phó T ng giám c Công ty c ph n Xây l p i n l

2.6. Phó T ng Giám c – Nguy n Nh t Tân

✓ <i>Họ và tên:</i>	Nguyễn Nhật Tân
✓ <i>Giới tính:</i>	Nam
✓ <i>Ngày tháng năm sinh:</i>	20/05/1967
✓ <i>Số CMND:</i>	017317789 do CA Hà Nội cấp ngày 27/09/2011
✓ <i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
✓ <i>Dân tộc:</i>	Kinh
✓ <i>Trình chuyên môn:</i>	Kỹ sư
✓ <i>Chức vụ đang nắm giữ:</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp số 1
✓ <i>Quá trình công tác:</i>	
- 06-1988 đến 08-1993	Cán bộ kỹ thuật Số 1 của Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 09-1993 đến 07-1994	Phó phòng kinh doanh nội địa Số 1 của Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 08-1994 đến 04-1995	Quyển trưởng chi nhánh nội địa xã, Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 05-1995 đến 04-1997	Trưởng chi nhánh nội địa Chiêm Hóa, Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 05-1997 đến 09-1998	Trưởng phòng kinh doanh nội địa, Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 10-1998 đến 06-2003	Phó giám đốc Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 07-2003 đến 12-2003	Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang
- 01-2004 đến 03-2004	Phó bí thư thị trấn Trại Cột Chày Tuyên Quang
- 04-2004 đến 04-2009	Chủ tịch UBND thị trấn Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- 05-2009 đến 03-2010	Phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
- 04-2010 đến 05-2011	Phó giám đốc Công ty Xây lắp số 1 Tuyên Quang
- 06-2011 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp số 1

2.7. Trưởng Phòng Tài chính Kế toán – Đoàn Thị Liên

✓ <i>Giới tính:</i>	N
✓ <i>Ngày tháng năm sinh:</i>	14/8/1956
✓ <i>Số CMND:</i>	111268211 do CA Hà Nội cấp ngày 08/6/2010

- ✓ *Quốc tịch:* Việt Nam
- ✓ *Dân tộc:* Kinh
- ✓ *Trình chuyên môn:* Cử nhân kinh tế
- ✓ *Chức vụ đang nắm giữ:* Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại
- ✓ *Quá trình công tác:*
 - 4/1979 đến 11/1980 Cán bộ thanh kê, kế hoạch thu cấp Trung tâm xây dựng số 4 – Công ty xây dựng ngành dây và trạm
 - 12/1980 đến 7/1995 Nhân viên hành chính quản trị - Trung tâm xây dựng số 4 – Công ty xây dựng số 1
 - 7/1995 đến 5/2000 Cán bộ kế toán Trung tâm xây dựng số 4
 - 6/2000 đến 8/2005 Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp Xây dựng và Lắp đặt – Công ty Xây dựng số 1
 - 9/2005 đến nay Trưởng Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm 2012 là 1.127 người.

3. Tình hình xuất, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Dự án Miền Bắc - Plaza:

- Công ty đã tập trung nguồn lực triển khai dự án đầu tư quy mô lớn: diện tích, chất lượng, an toàn và môi trường, hoàn thành các công trình nhà ở, các dịch vụ công tác khách hàng và bán hàng trong giai đoạn đầu tiên vô cùng khó khăn hiện nay.

- Các mốc chính về tiến độ:

- + Khởi công ngày: Tháng 7/2011
- + Hoàn thành các công trình và các hạng mục: Tháng 5/2012
- + Thi công thân thô, hoàn thành cốt nóc: Ngày 24/01/2013
- + Hoàn thiện công trình đưa vào sử dụng: Tháng 12/2013

- Dự án đang có các cơ quan quản lý Nhà nước tiếp nhận, các nhân viên và các dịch vụ khách hàng tin tưởng đánh giá cao về quy trình dự án chuyên nghiệp, tiến độ nhanh, chất lượng, khi cần các dịch vụ hỗ trợ trong công tác xuất.

3.2. Dự án khu vực phía Bắc - Hà Nội - PCCI:

- Đang thực hiện các phép giải phóng quyền sử dụng đất, theo hình thức sản phẩm là nhà chung cư thu nhập thấp, căn hộ dịch vụ tích hợp, kết hợp phòng, khu thương mại.

- Hiện nay đã có UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch số 12/2014.

3.3. Hợp tác góp vốn xuất:

- *Tên Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng:*

+ Công ty đã hoàn thành góp vốn bổ sung theo tỉ lệ, nay PCCI đã góp 101,365 tỷ đồng, tỉ lệ nắm giữ 22% vốn đầu tư.

+ Tỉ lệ triển khai đầu tư dự án năng lực sản xuất, kế hoạch nhà máy sản xuất phân Thép và Gang cán nguội sản phẩm vào quý 1/2014.

- Ưu đãi mua trái phiếu nợ của Công ty cổ phần liên kết Miền Bắc (NPC) tại HDDA:

+ Thực hiện chính sách phát triển sản phẩm và thương mại, mở rộng các yếu tố cạnh tranh của Công ty trong lĩnh vực thị trường, sản xuất, cung cấp các loại thiết bị kỹ thuật cao và siêu cao áp, HĐQT Công ty đã quyết định và giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện mua trái phiếu nợ của NPC tại HDDA với tỉ lệ: 35% vốn đầu tư, tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là: 17,940 tỷ đồng; giá trị đã mua là: 25,533 tỷ đồng (bằng 14.231 đồng/lẻ phần).

+ Hoàn thành: tháng 11/2012.

- Ưu đãi mua trái phiếu nợ của Nhà máy điện PCCI.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của PCCI, tránh các xung đột lợi ích theo quy định của các tổ chức Ngân hàng thu hút ODA - phục vụ thị trường cho công tác thương mại và đầu tư - HĐQT Công ty đã quyết định và giao Tổng Giám đốc triển khai mua trái phiếu nợ của Nhà máy điện Công ty do Vinaicon nắm giữ, tỉ lệ 7,14% vốn đầu tư, giá trị vốn góp theo mệnh giá là 10 tỷ đồng, giá trị đã mua 18,106 tỷ đồng (bằng 18.106 đồng/lẻ phần), hoàn thành tháng 11/2012.

3.4. Các Công ty con, Công ty liên kết.

*** Công ty TNHH M thành viên Xây lắp Miền Bắc - Ba La**

+ Tổng tài sản tại 31/12/2012: 26.978.469.617 đồng.

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2012: 6.264.722.069 đồng.

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỉ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	Sản lượng	12.543	29.247	30.368	242%	104%
2	Doanh thu	12.167	26.904	30.368	250%	113%
3	Lợi nhuận sau thuế	71	579	1.001	1410%	173%

*** Công ty TNHH M thành viên Xây lắp Miền Bắc - Miền Đông**

+ Tổng tài sản tại 31/12/2012: 19.560.596.029 đồng.

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tại 31/12/2012: 6.023.168.087 đồng.

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	24.354	29.098	35.087	144%	121%
2	Doanh thu	24.396	25.445	29.471	121%	116%
3	L i nhu n sau thu	782	850	902	115%	106%

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Mi n Nam**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 67.001.018.522 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 13.929.713.637 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	73.789	94.255	131.070	178%	139%
2	Doanh thu	81.959	85.035	109.834	134%	129%
3	L i nhu n sau thu	1.117	2.025	3.055	274%	151%

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – M ình**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 21.831.666.935 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 6.419.512.983 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	20.644	40.047	47.374	229%	118%
2	Doanh thu	18.290	39.642	41.305	226%	104%
3	L i nhu n sau thu	470	1.000	1.231	262%	123%

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Hoàng Mai**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 23.183.613.459 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 6.187.748.276 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	36.361	35.958	47.508	131%	132%
2	Doanh thu	25.579	27.158	37.463	146%	138%
3	L i nhu n sau thu	822	828	1.003	122%	121%

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Nàng H ng**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 1.610.978.491 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 1.306.377.046 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	3.750	3.788	3.715	99%	98%
2	Doanh thu	3.409	3.444	3.387	99%	98%
3	L i nhu n sau thu	838	880	542	54%	51%

*** Công ty TNHH M t thành viên Xây l p i n 1 – Mi n B c (Thành l p ngày 01/06/2012)**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 30.876.533.117 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 3.630.535.370 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		
1	S n l ng	0	16.325	17.856		109%
2	Doanh thu	0	13.214	13.960		106%
3	L i nhu n sau thu	0	600	631		105%

*** Công ty TNHH Ch t o c t thép ông Anh - Hyundai**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 187.583.551.737 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 60.535.983.286 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
					6=(5/3)	7=(5/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		
1	S n l ng	363.714	368.737	565.000	131%	101%
2	Doanh thu	268.934	352.721	353.237	131%	100%
3	L i nhu n sau thu	6.334	8.200	8.356	132%	102%

*** Công ty C ph n T v n i n 1**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 4.447.565.453 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 2.540.715.583 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	3.749	8.738	9.205	246%	105%
2	Doanh thu	1.765	6.248	6.591	373%	105%
3	L i nhu n sau thu	60	251	481	805%	192%

*** Công ty C ph n Hóa ph m Ph gia Vi t Nam**

+ T ng tài s n t i 31/12/2012: 3.661.671.202 ng.

+ Ngu n v n ch s h u t i 31/12/2012: 3.125.355.362 ng.

+ K t qu s n xu t kinh doanh n m 2012:

n v tính: tri u ng

STT	Ch tiêu	Th c hi n n m 2011	K ho ch n m 2012	Th c hi n n m 2012	T l	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=(5/3)	7=(5/4)
1	S n l ng	376	5.724	828	220%	14%
2	Doanh thu	101	6.765	853	845%	13%
3	L i nhu n sau thu	-1.912	781	-1.250	65%	-160%

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

n v tính: Tri u ng

STT	Ch tiêu	N m 2011	N m 2012	% t ng gi m
1	T ng giá tr tài s n	1.231.692	1.239.112	0,60
2	Doanh thu thu n	1.076.970	1.407.441	30,69
3	L i nhu n t ho t ng kinh doanh	18.182	76.753	322,13
4	L i nhu n khác	38.563	1.461	-96,21
5	L i nhu n tr c thu	56.746	78.215	37,83
6	L i nhu n sau thu	43.180	61.305	41,97
7	T l l i nhu n tr c t c	20%	20,77%	3,85

4.2. Các ch tiêu tài chính ch y u:

STT	Ch tiêu	VT	N m 2011	N m 2012
1	Ch tiêu v kh n ng thanh toán			
	- H s thanh toán ng n h n	l n	1,15	1,14
	- H s thanh toán nhanh	l n	0,72	0,67
2	Ch tiêu v c c u v n			
	- H s N /T ng tài s n	l n	0,73	0,73
	- H s N /V n ch s h u	l n	2,94	2,82
3	Ch tiêu v n ng l c ho t ng			
	- Vòng quay hàng t n kho	l n	2,48	2,90
	- Doanh thu thu n/T ng Tài s n	l n	0,87	1,14
4	Ch tiêu v kh n ng sinh l i			
	- H s l i nhu n sau thu /D.thu thu n	%	4,01	4,36
	- H s l i nhu n sau thu /N.v n CSH	%	14,1	19,1
	- H s l i nhu n sau thu /T ng tài s n	%	3,5	4,9
	- H s l i nhu n t H KD/DTT	%	1,7	5,5

5. C c u c ô ng, thay i v n u t c a ch s h u.

5.1. C ph n

T ng s c ph n: 14.000.000 CP

Lo i c ph n ang l u hành: C phi u ph thông

S l ng c ph n chuy n nh ng t do: 14.000.000 CP

S l ng c ph n h n ch chuy n nh ng: 0 CP

5.2. C c u c ô ng

- Theo t l s h u:
- + C ô ng l n: 51,02%
- + C ô ng nh : 48,98%
- C ô ng t ch c và c ô ng cá nhân
- + C ô ng t ch c: 14,25%
- + C ô ng cá nhân: 85,75%
- C ô ng trong n c và c ô ng n c ngoài:
- + C ô ng trong n c: 100%
- + C ô ng n c ngoài: 0%
- C ô ng nhà n c và c ô ng khác:
- + C ô ng nhà n c: 0%
- + C ô ng không ph i nhà n c: 100%

5.3. Tình hình thay i v n u t c a ch s h u:

Trong năm công ty không có sự thay đổi về nội dung cách xử lý.

5.4. Giao dịch phi uqu :

Số phi uqu hiện tại: 1.000.000 CP

Các giao dịch phi uqu thực hiện trong năm: Trong năm Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp đặt thiết bị 01 giao dịch phi uqu ; cụ thể :

Thời điểm giao dịch: 06/11/2012

Đối tượng giao dịch: Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Số lượng phi u giao dịch: 1.000.000 CP

Giá trị giao dịch: 18.106.000.000 đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 kinh tế thế giới phức tạp, kinh tế Việt Nam tiếp tục mất sức tiêu quan trọng là: Kim ngạch xuất khẩu tăng 6,81%, cán cân thương mại thâm hụt, kim ngạch xuất khẩu tăng 18%, dự trữ ngoại hối tăng cao nhất trong năm nay, tỷ giá nhích. Tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn bất ổn nhiều yếu kém như: Chính sách của nền kinh tế thiếu đồng bộ, tăng trưởng GDP thấp nhất trong các năm gần đây (5,03%), lãi suất tín dụng cao hơn nhiều so với kinh tế sinh hoạt của Doanh nghiệp, sản xuất chậm, hàng tồn kho lớn, số lượng Doanh nghiệp giảm sút (tháng 12/2012 theo số liệu thống kê là: 55.000 doanh nghiệp giảm sút).

Mặc dù vậy, Chính phủ đã có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn của nền kinh tế. Ngành điện, ngành sản xuất Khí, thủy điện và năng lượng nói chung gặp nhiều khó khăn, Công ty cổ phần xây lắp (PCC1) không nằm ngoài số phận chung, trở ngại và kéo dài trong các năm qua, vì sự lãnh đạo, chỉ đạo và hiệu quả của Ban lãnh đạo cùng Ban quản lý toàn Công ty, sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ CNV trong Công ty, sự đồng lòng, tin cậy và hợp tác tích cực của các đối tác, khách hàng, sự giúp đỡ của các Bộ, ngành và các chủ thể liên quan trong EVN - năm 2012 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhiều Doanh nghiệp phải giảm sút, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, không có khả năng nộp thuế, trả lương cho CBCNV, Công ty chúng ta vẫn lạc quan và tiếp tục nỗ lực phấn đấu ghi nhận trong 4 năm liên tiếp, đã khẳng định tính đúng đắn trong chiến lược xây dựng và phát triển Công ty, khẳng định năng lực lãnh đạo và quản lý của Ban lãnh đạo và Ban quản lý Công ty, khẳng định trình độ, tính chuyên nghiệp của đội ngũ chuyên viên, công nhân kỹ thuật của Công ty đã trở thành, đáp ứng các yêu cầu cho hoạt động SXKD giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản.

Stt	N i dung	C u i n m		u n m		So sánh c u i n m và u n m	
		S t i n	%	S t i n	%	S t i n	%
I	Tài s n ng n h n	1.031.760	83%	1.022.391	83%	9.369	1%
1	Ti n và các kho n t ng ng t i n	74.724	6%	69.774	6%	4.950	7%
2	Các kho n u t tài chính ng n h n		0%	6.330	1%	6.330)	-100%
3	Các kho n ph i thu ng n h n	506.611	41%	543.055	44%	36.444)	-7%
4	Hàng t n kho	430.506	35%	385.118	31%	45.388	12%
5	Tài s n ng n h n khác	19.919	1,6%	18.114	1,5%	1.805	10%
II	Tài s n dài h n	207.352	17%	209.301	17%	(1.949)	-1%
1	Tài s n c nh	93.296	8%	108.804	9%	(15.508)	-14%
2	Các kho n u t tài chính dài h n	98.152	8%	88.097	7%	10.055	11%
3	Tài s n dài h n khác	9.982	1%	12.400	1%	(2.418)	-20%
4	L i th th ng m i	5.922	0%	-	0%	5.922	
	T ng tài s n	1.239.112	100%	1.231.692	100%	7.420	1%

Qua b ng c c u tài s n ta th y: T ng tài s n n m 2012 t ng h n so v i n m 2011 là 7,420 tri u ng là do tài s n ng n h n t ng và chi m t tr ng r t l n (83%) trong t ng tài s n.

Tuy t tr ng tài s n ng n h n/T ng tài s n n m 2012 so v i n m 2011 không thay i nh ng c c u các kho n m c tài s n l i thay i c th :

- Ti n m t t ng 4.950 tri u ng t ng ng t ng 7% là do t ng ti ng i có k h n l tháng Công ty có k ho ch chi vào u n m sau.

- Các kho n ph i thu ng n h n gi m 36.444 tri u ng t ng ng gi m 7% ch y u là do các kho n ph i thu khách hàng gi m. Trong n m tuy có b nh h ng c a n n kinh t nên vi c thu h i v ng p r t nhi u khó kh n nh ng v i s n l c c a Công ty, Công ty ã th c hi n thu h i v n t t.

- Hàng t n kho t ng 45,388 tri u ng t ng ng t ng 12% ch y u là s t ng lên c a chi phí s n xu t kinh doanh d dang c a D án M ình. Công ty ch c h ch toán doanh thu và bàn giao chi phí c a D án khi bàn giao c n h cho khách hàng.

T tr ng tài s n dài h n/T ng tài s n n m 2012 so v i n m 2011 không thay i. Nh ng c c u các kho n m c tài s n dài h n thay i, c th :

- Kho n m c Tài s n c nh n m 2012 so v i n m 2011 gi m 15.508 tri u ng t ng ng gi m 14% trong ó nguyên giá TSC t ng 3.919 tri u, giá tr hao mòn l y k t ng -14.417 tri u ng là do trong n m công ty có u t m r ng quy mô s n và trích kh u hao vào chi phí trong n m.

- Các kho n u t dài h n n m 2012 so v i n m 2011 t ng 10.055 tri u ng t ng ng t ng 11% là do Các kho n u t dài h n khác t ng. Trong n m Công ty ti p t c u t vào Công ty CP Gang thép Cao B ng do Công ty CP Gang thép Cao B ng t ng v n i u l t 300 t lên 385 t ng.

Qua phân tích c c u tài s n trên ta th y, s phân b tài s n c u i n m và u n m là khá h p lý, phù h p v i c i m ho t ng kinh doanh c a công ty.

2.2. Tình hình n ph i tr .

Stt	N i dung	N m 2012		N m 2011		So sánh 2012 v i 2011	
		S t i n	%	S t i n	%	S t i n	%
I	N ph i tr	1.810.232	85%	1.784.595	84%	25.637	1%
1	N ng n h n	902.999	42%	886.893	42%	16.106	2%
	- Vay và n ng n h n	409.022	19%	489.777	23%	(80.755)	-16%
	- Ph i tr ng i bán	187.261	9%	163.886	8%	23.375	14%
	- Ng i mua tr t i n tr c	141.071	7%	62.829	3%	78.242	125%
	- Thu và các kho n ph i n p NN	40.449	2%	33.263	2%	7.186	22%
	- Ph i tr ng i lao ng	37.910	2%	38.228	2%	(318)	-1%
	- Chi phí ph i tr	16.384	1%	27.048	1%	(10.664)	-39%
	- Các kho n ph i tr , ph i n p khác	48.408	2%	40.868	2%	7.540	18%
	- D phòng ph i tr ng n h n	15.617	1%	22.108	1%	(6.491)	-29%
	- Qu khen th ng phúc l i	6.876	0,3%	8.886	0%	(2.010)	-23%
2	N dài h n	4.235	0,2%	10.809	1%	(6.574)	0%
II	V n ch s h u	321.605	15%	305.197	14%	16.408	5%
1	V n ch s h u	321.605	15,0%	305.197	14%	16.408	5%
2	Ngu n kinh phí và qu khác	-	0,0%	-	0%	-	
III	L ích c ông thi u s	10.273	0%	28.793	1%	(18.520)	-64%
	T ng ngu n v n	2.142.110	100%	2.118.585	100%	23.525	1%

Qua b n s li u trên ta th y, T ng ngu n v n u n m so v i cu i n m t ng 23.525 tri u ng t c t ng 1% ch y u là do t ng các kho n N ng n h n và V n ch s h u.

- N ng n h n t ng 25.637 tri u ng t ng ng t ng 1% là do t ng các kho n ph i tr ng i bán, ng i mua tr t i n tr c, thu và các kho n ph i n p ngân sách, các kho n ph i tr ph i n p khác.

+ Các kho n ph i tr ng i bán t ng 23.375 tri u ng t ng ng t ng 14% là do vào th i i m cu i n m công ty g p rút thi công nhi u công trình xây l p, c t thép nên công ty ph i mua nhi u v t t , nghi m thu thanh toán cho nhi u nhà th u xây l p n u n m 2013 m i thanh toán b ng t i n.

+ Ng i mua tr t i n tr c t ng 78.242 tri u ng t c t ng 125% ch y u là do trong n m 2012 Công ty thu t i n nhà c a khách hàng D án M ình nh ng ch a c ghi nh n doanh thu nên ch a ghi gi m kho n công n này.

+ Thu và các kho n ph i n p ngân sách nhà n c t ng 7.186 tri u ng t ng ng t ng 22% là do t ng các thu GTGT, thu TNDN. Nguyên nhân là do cu i n m Công ty nghi m thu thanh toán nhi u kh i l ng xây l p n T1/2013 m i ph i n p thu GTGT c a ph n kh i l ng thanh toán này. Thu TNDN t ng là do L i nhu n quý 4 n m 2012 cao h n l i nhu n quý 4 n m 2011 nên thu TNDN ph i n p c ng t ng lên.

- Bên c nh ó m t s các kho n n ph i tr cu i n m gi m so v i u n m nh Vay và n ng n h n, Chi phí ph i tr , D phòng ph i tr ng n h n, Qu khen th ng phúc l i, c th :

+ Vay và nợ ngắn hạn giảm 80.755 triệu đồng tăng 16% là do Công ty trả nợ gốc dài hạn.

+ Chi phí phát sinh giảm 10.664 triệu đồng tăng 39% là do tình hình thanh toán chi phí công trình vận chuyển và lắp đặt công trình.

+ Các khoản phí trả trước khác tăng 7.540 triệu đồng tăng 18% là do chi trả các khoản phí trả trước về các Thuế và Xây dựng cơ bản.

+ Dự phòng phát sinh giảm 6.491 triệu đồng giảm 29% là do trong năm Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Công nghiệp – Hyundai hoàn nhập chi phí báo hành sản phẩm các hợp đồng đã kết thúc.

+ Lợi ích công cụ tài chính giảm 18.520 triệu đồng giảm 64% là do Công ty mua lại phần vốn của Công ty Cổ phần Miền Bắc (NPC).

3. Những điểm nổi bật, chính sách, quản lý

3.1. Kết quả hoạt động trong công tác quản lý và trong hoạt động SXKD

3.1.1. Công tác Tổ chức và Quản lý:

+ Năm 2012 nhân sự máy lãnh đạo, quản lý trong Công ty tiếp tục bổ sung, bổ nhiệm và bổ nhiệm, nâng cao quản lý tiếp tục phát huy áp dụng các yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch.

+ Công tác chuyên môn, chuyên môn mô hình các đơn vị tiếp tục thực hiện phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, cụ thể: Thành lập Phòng Phát triển thị trường, chuyên môn 3 Chi nhánh còn lại thành Công ty TNHH MTV, thực hiện sản xuất tại Nhà máy Yên Thành.

+ Công tác tuyển dụng, đào tạo quan tâm và triển khai theo kế hoạch năm, đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực.

+ Tiếp tục sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, bổ sung hoàn thiện cho quy trình quản lý hàng.

+ Phong trào thi đua, công tác thi đua khen thưởng chú trọng và thực hiện ngày càng tốt hơn.

+ Công tác áp dụng Công nghệ thông tin trong quản lý, tiến hành lắp đặt và ứng dụng triển khai theo từng giai đoạn.

3.1.2. Mối quan hệ làm việc, thu nhập, thực hiện chính sách đãi ngộ CB-CNV:

+ Trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái, nhiều doanh nghiệp đã phải giảm quy mô sản xuất kinh doanh, xuất công tác giảm, nguồn công việc vô cùng khó khăn, công ty vẫn áp dụng công việc cho toàn bộ khối xây dựng, cơ bản áp dụng việc làm cho khối SXCN, tiến hành làm việc tiếp tục quan tâm, cụ thể tích cực.

+ Thu nhập người lao động tiếp tục nâng cao, thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 7,05 triệu đồng/người/tháng, tăng 15% so với kế hoạch năm trước, tăng 131% so với thu nhập bình quân năm 2011, tiến hành và bổ sung các chi phí tiếp.

+ Các chính sách, chế độ đãi ngộ người lao động được quan tâm.

3.1.3. Công tác Kế hoạch và Đầu tư:

+ Ch t l ng công tác k ho ch t i p t c c nâng cao; t nh n th c và quy trình th c hi n các h p ng các công vi c u c tri n khai theo m t k ho ch c th h p lý và c xây d ng t u k .

+ Th c hi n t t công tác báo cáo hàng k , t t c các h p ng s n xu t, xây l p, u t thi t b u c qu n lý, giám sát theo k ho ch ng b cho các công vi c .

+ Công tác th ng th o ký k t h p ng, i u ch nh giá h p ng u c chú tr ng và t k t qu yêu c u.

+ Công tác phân giao, i u ch nh, ký k t h p ng v i các n v thành viên và B ph u c tri n khai nhanh, có k ho ch.

+ Công tác thanh toán, quy t toán v i khách hàng, ch u t hay v i các n v th c hi n, nhà th u ph u c th c hi n t t.

+ Công tác th tr ng tìm ki m h p ng n m 2012 là n m thành công và t k t qu r t t t, m b o nhu c u công vi c s n xu t, xây l p cho toàn Công ty và chu n b công vi c chuy n t i p sang n m 2013, c bi t m t s h p ng EPC, PC, h p ng cung c p và l p t cấp ng m 110 KV t k t qu t t theo nh h ng th tr ng c a Công ty.

+ c bi t trong n m chúng ta ã thu x p v n thành công cho d án Z 220 kV c Nông - Ph c Long - Bình Long kh ng nh n ng l c c a Công ty, ng th i h tr cho công tác th tr ng.

3.1.4. Công tác tài chính k toán:

+ Công tác l p k ho ch tài chính n m, các k tháng, quý c th c hi n nghiêm túc, t ó tri n khai t t vi c thu h i v n, thu x p ngu n ch ng, áp ng cho chi phí ph c v các ho t ng s n xu t kinh doanh.

+ Công tác thu v n phát sinh trong k và n ph i thu t n ng c quan tâm và tri n khai t k t qu tích c c.

+ Công tác k toán, công tác ki m toán, th c hi n ngh a v thu v i nhà n c trong n m qua u c tri n khai nghiêm túc và t k t qu t t.

3.1.5. Công tác k thu t công ngh :

+ i k cán b k thu t trong n m 2012 t i p t c c b sung v s l ng, ào t o h c t p nâng cao trình chuyên môn, nghi p v áp ng công vi c c giao.

+ Công tác qu n lý t i n , ch t l ng s n ph m xây l p, s n ph m c khí u c th c hi n theo quy trình, theo t i n c th . Các h p ng xây l p, s n xu t Công ty th c hi n u t ch t l ng, t i n t t, nhi u d án tr ng i m quan tr ng do Công ty m nhi m ã hoàn thành t t c k hách hàng, ch u t ánh giá cao.

+ Công tác nghi m thu bàn giao công trình, hoàn công, công tác báo cáo ph c v thanh quy t toán, ph c v công tác qu n lý, i u hành, ch huy trê n công trình c tri n khai n n p ng b .

+ Công tác qu n lý k thu t, h ng d n v n hành máy móc thi t b , b o qu n, b o d ng nh k c th c hi n theo quy nh.

+ Công tác nghiê n c u khoa h c công ngh , sáng ki n c i t i n k thu t c quan tâm, b c u ã phát huy hi u qu v u t thi t b , máy móc thi công và tri n khai các công trình nghiê n c u t i p theo .

+ Công tác An toàn và sinh công nghiệp chú trọng hơn trong khâu ào tạo, trang bị và quản lý, đặc biệt trong các công trình đặc biệt khó khăn, tỉ mỉ thi công góp rút giảm thiểu rủi ro an toàn cho người và máy móc thi công.

3.1.6. Công tác mua sắm và quản lý vật tư thi công :

+ Công tác mua sắm vật tư, thi công phần cơ sở sản xuất và thi công các thiết bị theo quy trình, quản lý chi phí, chất lượng, tiến độ.

+ Công tác giao nhận, cấp phát vật tư thi công từ cấp và bên A cấp bên áp dụng công nghệ, nhanh chóng thu hồi và không xảy ra vấn đề sai hỏng, mất mát.

+ Công tác quản lý hồ sơ, giao nhận, thanh quyết toán về bên A, trong nhiệm vụ quan tâm thiết bị nghiêm túc.

3.1.7. Thiết bị các hạng mục EPC, PC và các hạng mục xuất khẩu :

+ Chi nhánh nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho cán bộ, mở rộng quy mô của Công ty qua việc thiết bị các hạng mục EPC, PC theo hình thức thầu tư vấn kỹ thuật; các hạng mục công nghiệp trong năm :

- Hạng mục EPC công dây 110kV Bắc Giang - Quang Châu.
- Hạng mục EPC TBA 110kV Núi Pháo.
- Hạng mục PC Cấp ứng dụng 110kV Hà Nội.

Các hạng mục ứng dụng triển khai :

- Hạng mục EPC Z 500kV Nhà Bè - Metro city.
- Hạng mục PC Z 110 kV Bà Quẹo - Trưng Vương.
- Hạng mục EPC Di dời hạ tầng cao thế trên xe 1 Hà Nội.

Các hạng mục xuất khẩu thiết bị trong năm 2012 mà HDDA đang thiết bị :

- Cung cấp thiết bị công dây 765kV - Hàn Quốc.
- Cung cấp thiết bị công dây 220kV - Pakistan.

giảm thiểu rủi ro, tiến độ theo yêu cầu bên mua.

3.1.8. Sản xuất công nghiệp :

+ Năm 2012 lĩnh vực sản xuất sản phẩm kết cấu thép mà khách hàng của Công ty gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là cạnh tranh về nguồn công việc và giá sản phẩm, thị trường HDDA và Nhà máy kết cấu thép Yên Thành đã thiết bị nhiều sản phẩm cho xuất khẩu, sản phẩm chất lượng, mở rộng quy mô cho các dự án trọng điểm của ngành hiện hoàn thành sản phẩm, tiến độ và kiểm soát chất lượng.

+ Công ty HDDA đã nỗ lực cùng Công ty mẹ khắc phục khó khăn trong công tác thương mại, trong việc ghi quyết tâm tăng lợi ích trong tương lai, phần ứng dụng công nghệ về việc làm cho CNV, quản lý chất lượng sản phẩm, chú trọng các kỹ thuật triển khai theo kế hoạch năm 2013.

3.1.9. Trong lĩnh vực vận hành và dịch vụ :

- Trong Tổng vận hành thi công trình hiện tại: Bên Công ty cấp phần Tổng vận hành hiện tại thiết bị thành công nhiều dự án thi công các công trình công dây, TBA, công trình cung cấp điện cho các khu đô thị, công nghiệp, phần tiếp tục về Công ty thiết bị các hạng mục thầu kỹ thuật EPC kết quả yêu cầu.

- Trong T v n gi i phóng m t b ng: N m 2012 PCC1 ã nh h ng cho PCC1 - Mi n B c ánh giá, quy ho ch l i t tr ng, th tr ng các h p ng gi i phóng m t b ng nh m ph c v m c tiêu chung c a Công ty m ng th i tr ng tâm và nâng cao hi u qu các h p ng t v n gi i phóng m t b ng trong n m 2012 và các n m ti p theo.

- Kinh doanh d ch v : Vi c qu n lý, khai thác và cung c p d ch v t i D án Nàng H ng do PCC1-Nàng H ng th c hi n ã i vào n n p, b c u th hi n tính chuyên nghi p và ch t l ng d ch v c ánh giá t t, góp ph n nâng cao hình nh, uy tín c a Công ty trong công tác u t , qu n lý d án sau u t , mang l i hình nh, không gian xanh s ch, an ninh và thân thi n trong khu V n phòng Công ty và toàn b d án.

- Công tác chu n b cho vi c qu n lý, khai thác, cung c p d ch v cho d án M ình ã c quan tâm và chu n b cho k ho ch ti p nh n vào quý 4/2013.

3.2. Nh ng t n t i, h n ch trong công tác qu n lý và trong ho t ng SXKD

Bên c nh nh ng k t qu , thành tích r t áng ph n kh i mà Công ty chúng ta ã t c trong n m qua - Trong công tác lãnh o, qu n lý, i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh còn có nh ng t n t i, h n ch chúng ta c n ánh giá khách quan, nghiêm túc kh c ph c k p th i trong th i gian t i, nâng cao hi u qu ho t ng c a toàn Công ty.

3.2.1. Công tác T ch c và qu n lý:

- N ng l c qu n lý : Ch t l ng nhân l c ch ch t t i m t s n v, b ph n còn h n ch , ch a áp ng c yêu c u cao cho s phát tri n c a n v, th hi n nh : Trình qu n lý h n ch , qu n lý i u hành thi u tính chuyên nghi p và khoa h c, ý chí ph n u và m c tiêu th p.

- Công tác tuy n d ng, ào t o b c u ã t c k t qu nh t nh, tuy nhiên ngu n nhân l c ch t l ng cao cho các v trí qu n lý và chuyên viên, công nhân có tay ngh cao hi n t i c ng nh d phòng cho công tác quy ho ch cán b , cho t ng tr ng kinh doanh u ch a áp ng c yêu c u.

- M t s quy ch , quy nh qu n lý n i b ã ban hành nh ng vi c tri n khai, áp d ng có lúc, có n i ch a nghiêm túc, phòng chuyên môn tham m u ch a ôn c th c hi n, ánh giá, t ng k t và tham m u cho lãnh o thúc y áp d ng.

- Chính sách ti n l ng còn th ng, máy móc, ch a có s nghiên c u ánh giá th c t , nghiêm túc trong công tác s d ng, phân công lao ng và chính sách ti n l ng ng b i theo.

- M t s công tác qu n lý hành chính, công tác ph c v , t ch c s ki n c a Công ty còn lúng túng, ch m tr , thi u ki m tra, kh c ph c và c i ti n th ng xuyên.

3.2.2. Công tác K ho ch th tr ng:

Trong các n m qua công tác KH TT ã t c nhi u k t qu t t, c v công tác k ho ch và công tác th tr ng, tuy nhiên t n t i, h n ch c n quan tâm là:

- Công tác nghiên c u, phát tri n th tr ng còn ch a c quan tâm u t úng m c, quá trình tham gia th tr ng thi u tính ch ng, chuyên nghi p và còn nh ng th tr ng tí m n ng nh ng PCC1 ch a v i n.

- T c t ng tr ng trong kinh doanh và luân chuy n cán b d n n khó kh n cho l c l ng k ho ch th tr ng v áp ng trình nghi p v , chuyên môn, ngo i ng trong quá trình tri n khai nhi m v .

- N ng l c công tác th tr ng c a các n v thành viên c b n còn r t y u và h n ch .

3.2.3. Công tác Tài chính - Kế toán:

- Trong năm 2012 việc thu hồi vốn đã tập trung cao và tập trung quản lý, tuy nhiên việc quản lý dòng tiền tại Công ty mới chưa quan tâm sâu sát, việc thống kê, phân tích và đánh giá các chi phí hoạt động tài chính, lãi vay, phí, thu nhập chưa quan tâm có các ghi chép sai lệch các chi phí này, chi phí tài chính cao.

- Việc tổ chức tài chính của các Công ty thành viên như thu xếp tín dụng, cung cấp bảo hiểm tín dụng, bảo lãnh còn phụ thuộc nhiều vào Công ty mẹ.

- Trong năm không hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ theo quy định của Hội đồng.

- Công tác kiểm tra, hàng ngày, xử lý các nghiệp vụ tài chính, kế toán, công nhân tại các nhân viên thành viên chưa thống nhất xuyên suốt, nhân viên còn yếu kém về hạch toán và báo cáo.

3.2.4. Công tác Kỹ thuật - Công nghệ - An toàn VSCN:

Lực lượng cán bộ kỹ thuật chiếm tỷ lệ lớn trong ngành làm công tác kỹ thuật công nghệ, đã tận dụng nhiều ưu điểm, thế mạnh, tuy nhiên các hạn chế, tồn tại cần phải khắc phục:

- Kinh nghiệm trong quản lý điều hành còn hạn chế, cần bồi đắp thêm kiến thức quản lý, quản trị, đáp ứng đòi hỏi của ngành ngoài quản lý.

- Trong các hợp đồng thầu EPC do Công ty thực hiện, mức độ yêu cầu chuyên sâu về thiết kế, vật tư, công nghệ còn gặp khó khăn nhất định, lực lượng kỹ thuật chưa đáp ứng hoàn toàn công việc này.

- Lực lượng chuyên môn công nghệ có thể thiếu hụt chuyên môn và chất lượng, cần tạo điều kiện nâng cao mức độ chuyên môn: chuyên nghiệp điều hành công nghệ, tiếng Anh chuyên ngành và hoàn thiện quy trình quản lý kỹ thuật.

- Công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật còn hạn chế và tập trung chưa nhiều.

- Công tác an toàn - VSCN đã quan tâm thực hiện, tuy nhiên tiềm ẩn về công tác này còn cần chú trọng, cần phải tạo ra, trang bị và thực hiện thống nhất xuyên suốt, vì công tác an toàn lao động vẫn xảy ra một vài lần.

3.2.5. Công tác quản lý vật tư:

- Công tác hoàn thành hồ sơ thanh toán, quy trình toán mức độ hợp lý còn chậm trễ, trình tự công việc chưa có khi kéo dài, nhân viên điều hành việc thu hồi vốn và quản lý công nhân của Công ty.

- Việc phân bổ chi phí tiêu hao trong kỳ còn lúng túng, chi phí gây khó khăn trong công tác hạch toán.

- Việc khai thác các nguồn cung cấp có lợi thế còn thiếu hụt, chi phí thu mua nhà cung cấp mức độ cao.

- Công tác quản lý giá mua, điều chỉnh giá mua khi biến động của thị trường.

3.2.6. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

- Công ty HDDA: Công nhân thi công xây dựng mới chỉ cần các công nhân tranh đấu hiện tại sản phẩm chủ yếu, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, cần bồi đắp giá thành.

- i v i Nhà máy Yên Th ng : Vi c qu n lý ch t l ng, n ng su t lao ng, công tác An toàn VSCN, trình qu n lý, tác phong chuyên nghi p còn y u kém, c n c kh c ph c, c i thi n ngay t quý 1/2013.

- i v i Công ty Vinacas: Công tác th tr ng, cung ng s n ph m ra th tr ng còn r t h n ch và y u kém.

3.2.7. Lnh v c ut :

- ut d án h n h p V n phòng - Trung tâm Th ng m i - Nhà :

+ S phân giao trách nhi m qu n lý, giao nhi m v cho các cá nhân, b ph n trong Ban qu n lý ut , Ban qu n lý d án ch a th t s khoa h c, còn có nh ng b t c p, s thi u ng b gi a các b ph n trong Ban qu n lý ut c n s m c i u ch nh

+ Ngu n v n giành cho ut còn h n ch .

+ Công tác nghi n c u th tr ng, khách hàng ch a chuyên sâu, còn nhi u h n ch .

+ ut góp v n vào Công ty liên k t: M t s quy t nh ut góp v n vào Công ty liên k t trong các n m g n ây b c u b c l hi u qu ut th p, ch m ti n hoàn thành. Chúng ta c n nghi m tíc ánh giá và có các quy t nh i u ch nh phù h p.

3.2.8. Lnh v c T v n - Dch v :

+ Lnh v c T v n thi t k i n: Quy mô, n ng l c thi t k còn r t h n ch , chi n l c phát tri n c a Công ty t v n thi t k i n l ch a rõ m c tiêu s n ph m và th tr ng trong t ng giai o n.

+ Kinh doanh Dch v : M t s t n t i trong quá trình qu n lý, khai thác, c ng nh dch v t i d án Nâng H ng tri n khai ch m tr , ch a ki m tra x lý các phát sinh, h h ng, v ng m c m t cách th ng xuyên, tri t .

4. K ho ch phát tri n trong t ng lai.

N m 2013 là n m b n l c a c n c th ch i n k ho ch phát tri n Kinh t Xã h i 5 n m 2011 - 2015. Các m c tiêu t ng quát cho k ho ch phát tri n Kinh t - Xã h i n m 2013 ã c Qu c h i khóa XIII k h p th 4 thông qua tháng 11/2012, ó là: T ng c ng n nh Kinh t v mô, b o m an sinh Xã h i và phúc l i Xã h i, b o m n nh Chính tr - Xã h i. T ng s n ph m trong n c (GDP) t ng 5,5 %.

Tình hình kinh t t n c n m 2013 v n ph i i m t v i nhi u khó kh n thách th c. Ngu n l c n n kinh t r t h n ch , n n kinh t b nh h ng, ph thu c nhi u t tác ng bên ngoài trong khi kinh t th gi i và các n n kinh t l n: nh M , Châu Âu, Trung Qu c, Nh t ph c h i ch m. Tình hình th c t chuy n sang n m 2013 ngu n l c c a doanh nghi p Vi t Nam, thu nh p dân c th t gi m m nh, hàng t n kho còn nhi u, n x u ngân hàng t ng nhanh, lãi su t v n cao, có th nói s c kh e và n ng l c s n xu t c a h th ng Doanh nghi p r t y u.

Công ty c ph n Xây l p i n l n m 2013 ti p t c ch u nh h ng l n t khó kh n c a kinh t v mô mà c th là: ut công ti p t c c ki m soát ch t ch và h n ch ut , thu x p ngu n v n cho các d án ngành i n v n còn khó kh n và ch a cân i, nhu c u lãi su t tín d ng v n còn cao, th tr ng b t ng s n ch a th ph c h i, kinh t th gi i và khu v c ph c h i ch m, k ho ch xu t kh u c t thép ch a thu n l i. V n i t i: ngu n l c c a chúng ta v n còn h n ch v d tr tài chính, v n ng l c i u hành s n xu t và thi công, v quy mô máy móc thi t b , v l c l ng công nhân k thu t tay ngh cao, t i m t s n v thành viên còn r t h n ch v m c tiêu, v n ng l c qu n lý và quy mô quá nh .

Tuy nhiên bước vào thị trường kinh doanh năm 2013, Công ty vẫn có những thuận lợi cơ bản đó là:

- Phát huy đà phát triển từ năm 2012 rất quan trọng cho kế hoạch năm 2013. Trong các năm khó khăn chung của nền kinh tế, chúng ta vẫn luôn kiên trì soạn thảo các hoạt động SXKD và tăng trưởng vững chắc, nâng cao quản lý Công ty đã được nâng lên, công tác điều hành sản xuất, đã bước vào nền nếp, tài chính liên tục được kiểm soát, máy móc, thiết bị được cập nhật đáp ứng cho nhu cầu giai đoạn hiện nay.

- Công tác chuẩn bị kế hoạch năm 2013 đã triển khai từ giữa năm 2012, hiện nay có thể nói cơ bản các hình thức, nguồn công việc, công tác đầu tư đã đáp ứng tốt cho năm kế hoạch 2013.

- Ưu thế ngành hiện nay năm 2013 tăng 30% đáp ứng nhu cầu hiện tại và nhu cầu phát triển dài hạn.

- Chính phủ đã và đang có các giải pháp: Hỗ trợ trợ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.

- Ngành thu ngân nghiên cứu tiếp tục chuyển: giảm, giãn và miễn thuế cho một số trường hợp đặc biệt, hỗ trợ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Năm 2013 là năm tốt đẹp kinh quan trọng của Công ty: Kết quả 50 năm thành lập và đón nhận Huân chương Giải thưởng Hạng nhất là nguồn cổ vũ, khích lệ cho CB-CNV thi đua thực hiện tốt các mục tiêu trong SXKD.

Trên cơ sở đánh giá, nhận định trên, Công ty xác định các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 như sau:

4.1. Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản:

4.1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2013:

- Các chỉ tiêu cơ bản tăng trưởng trên 15%, kiểm soát tốt tình hình tài chính, đảm bảo công nhân viên làm, tăng thu nhập cho CB-CNV.

- Tiếp tục xây dựng chỉ số của Công ty, nâng cao năng lực quản lý của bộ máy, ưu tiên thị trường công nghệ, bắt đầu giai đoạn nâng cao sức cạnh tranh với các doanh nghiệp trong khu vực.

- Nghiên cứu trình độ và hợp tác đầu tư trong giai đoạn khó khăn hiện nay, mở rộng thị trường và trình độ cho giai đoạn tiếp theo.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển theo mô hình cách mạng và chuyên nghiệp, có năng lực và phù hợp với Công ty.

4.1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản:

* Toàn Công ty quy định tâm phần ưu tiên các chỉ tiêu năm 2013:

1. Giá trị SXKD:	2.137,379 tỷ đồng
2. Doanh thu:	1.610,878 tỷ đồng
3. Lợi nhuận sau thuế:	
- Giá trị lợi nhuận:	64,436 tỷ đồng
- Lợi nhuận trên vốn đầu tư:	40%
4. Trích nộp ngân sách:	81,418 tỷ đồng
5. Tổng quỹ lương:	184,481 tỷ đồng

6. Thu nhập bình quân của người lao động: 8,0 triệu đồng/người/tháng.

7. An Toàn lao động:

- Huấn luyện an toàn L :	100%
- C p th an toàn L :	100%
- Khám s c kh e nh k :	100%
- Trang b b o h lao đ ng:	100%
- S v tai n n lao đ ng n đ ng:	Không

* D k i n k h o c h n m 2014

1. Giá trị SXKD:	1.701,269 t đ ng
2. Doanh thu:	2.227,080 t đ ng
3. L i nhu n sau thu :	
- Giá trị l i nhu n:	123,646 t đ ng
- L i nhu n trên v n i u l :	69%

4.2.1. Nhiệm vụ kế hoạch và các giải pháp thực hiện:

Năm 2013 Công ty tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- i v i công tác Tổ chức và quản lý:

+ Tập t c xây dựng chỉ n l c Công ty, hoàn thiện hệ thống quy ch , quy nh quản lý n i b , phát huy hi u qu quy trình quản lý ch t l đ ng theo tiêu chu n ISO 9001-2008, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, i u hành t i Công ty m và t t c các n v thành viên, nh h đ ng các ho t đ ng SXKD và chu n hóa quá trình quản lý.

+ Thực hiện t t công tác tuyển dụng, ào tạo, s p x p s d ng cán b CNV, đ ng th i v i c i t i n chính sách t i n l đ ng thu nhập nâng cao ch t l đ ng ngu n nhân l c.

+ Tập t c nâng cao năng lực quản lý toàn hệ thống, phát huy tinh thần oàn kết - N đ ng đ ng - i m i và Sáng tạo, làm t t công tác thi đua - khen thưởng, phát đ ng phong trào thi đua nh m t o ra đ ng l c thúc y phát triển.

Giải pháp thực hiện:

1. S d ng T v n trong xây dựng chỉ n l c Công ty và các công vi c mà Công ty không chuyên sâu.

2. i m i t duy, ph đ ng pháp làm vi c ho c b sung thay thế các v trí nhân s quản lý công vi c không áp đ ng nhiệm vụ công tác.

- i v i l nh v c Xây l p công trình:

+ Hoàn thành t t các h p đ ng, các đ án Công ty m nhiệm, cam kết thực hiện t t: t i n , ch t l đ ng.

+ Nâng cao năng lực thi công xây l p: đ ng dây trên không, Tr m b i n áp, đ ng dây Cấp đ ng m cao th , m đ ng các công trình i n khác nh : thi công dây đ n siêu nhi t, thi công c p i n khu công nghi p, nhà máy i n.

+ Khai thác, s d ng t t các thi t b máy móc thi công ã u t và u t m i trong n m.

Giải pháp thực hiện:

1. Làm tốt công tác lập kế hoạch, tiến thi công, nâng cao năng lực quản lý và hành trình phòng và thi công trình.

2. Ưu tiên bổ sung máy móc, thiết bị phù hợp nhu cầu, tăng cường thay thế các máy móc, dụng cụ lạc hậu, chú trọng hóa tiêu chí về công trình thi công cho các hạng mục chính.

3. Chỉ tiến hành nghiệm thu công trình ở vị trí thi công nghiêm túc, quan tâm bổ sung và sửa chữa công trình công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

- Về lĩnh vực Sản xuất Công nghiệp:

+ Chú trọng các khâu kỹ thuật máy móc, thiết bị, tài chính, nhân lực, triển khai tốt các hợp đồng kinh tế và mở rộng theo kế hoạch năm 2013, đạt kết quả 175% khối lượng năm 2012.

+ Tiếp tục nghiên cứu, ưu tiên nâng cao năng lực sản xuất, giá trị gia tăng hàng xuất khẩu Sản xuất Chế tạo thép mạ kẽm tại Việt Nam.

+ Về Công ty Vinacas: Phân bổ sản xuất công suất trung bình cả thị trường, mức tiêu thụ tiêu hòa và trong năm 2013.

Giới pháp thực hiện:

1. Lập kế hoạch thực hiện bổ sung máy móc, lò mổ năm 2013 phù hợp với kế hoạch sản xuất. Bổ sung máy, thiết bị cần thiết, mở rộng máy, thiết bị tốt đáp ứng khi cần thiết.

2. Phối hợp lập kế hoạch mua sắm vật tư vào kế hoạch cho các hợp đồng SX cung cấp trong năm.

3. Nâng cao năng lực quản lý và hành trình sản xuất, nghiên cứu nghiệm thu giá thành trong chỉ định các tranh chấp.

- Trong nội bộ và hợp tác:

* Dự án Miền:

- Tập trung nguồn lực thực hiện quản lý dự án hoàn thành sớm tiến độ kế hoạch bàn giao sản phẩm không chậm hơn tháng 12/2013.

- Làm tốt công tác bán hàng và khách hàng.

- Cùng với nhân viên vận hành, tập trung nghiên cứu, áp dụng các biện pháp, giới pháp mở rộng công nghệ, công nghệ hiện tại, quản lý chi phí chi phí các gói thầu.

* Dự án nhà PCC1 - Hà Nội: Triển khai công tác chuẩn bị, kế hoạch kỹ thuật công nghệ 2/2014.

* Dự án Phòng thí nghiệm 18 Lý Tự Trọng: Nghiên cứu lập kế hoạch ưu tiên phù hợp - trình HT - Nghiên cứu quy hoạch chung cả Thành phố liên quan đến kế hoạch đầu tư và quy hoạch cả Công ty.

* Dự án khu Công nghiệp Tân Tiến - Hưng Yên: Tập trung đầu tư, chia sẻ kinh nghiệm.

* Hợp tác góp vốn đầu tư:

- Tập Công ty Gang thép Cao Bằng: Công ty cam kết đầu tư theo tiến độ góp vốn yêu cầu, xem xét đầu tư chi nhánh và vận hành.

- Tập Vinaincon: Xem xét sự kiện đầu tư tại 2 Công ty do Vinaincon thành lập:

+ Công ty c ̣p h ̣n Bê tông Vinaincon.

+ Công ty c ̣p h ̣n ̣t khoáng s ̣n Vinaincon.

- ̣t thi t b , máy móc thi công - Công ngh ̣ thông tin:

+ Ti p t c nghiên c ̣u, ̣t d ̣ng c , máy thi công trong s ̣n xu t. T p trung ̣u t b ̣ sung máy thi công cho thi công Tr m bi n áp và ̣ng dây trên không, công trình cấp ng m cao th , các thi t b thi công i v i ̣ng dây mang i n.

+ Ti p t c tri n khai áp d ̣ng ph n m m IBom trong qu n lý i u hành theo k ho ch ã phê duy t.

Gi i pháp th c hi n:

- i v i ̣t d ̣ án h n h p nhà và ̣t góp v n:

+ Chu n b k ho ch tài chính kh thi cho d ̣ án M ình.

+ D ̣ án m i: C p nh t di n bi n n n kinh t , di n bi n th tr ̣ng, nghiên c ̣u ánh giá nghiêm túc hi u qu ̣t , d ̣ báo bi n ̣ng l p ph ̣ng án k ho ch chi ti t trình c p th m quy n duy t tr ̣c khi th c hi n.

+ C n nâng cao n ̣ng l c qu n lý ̣t , hoàn thi n phân c p qu n lý, c bi t nâng cao trách nhi m c a i ̣ng qu n lý ̣t , nghiên c ̣u các gi i pháp k ̣ thu t, công ngh ̣ m i, phát huy trí tu ̣ và sáng t o trong m i d ̣ án, m i s n ph m ̣t .

- i v i ̣t thi t b máy thi công - Công ngh ̣ thông tin:

+ Phát huy vai trò lãnh o c p trách, t công tác, b p h n k ̣ thu t, ph i nghiên c ̣u l p ph ̣ng án ̣t hi u qu , k p th i. Khi ph ̣ng án c duy t c n c tri n khai úng ti n .

- L nh v c t v n và d ch v :

T v n thi t k i n:

+ N m 2013 c n xây d ̣ng l ̣ trình phát tri n trên c s t : S n ph m m c tiêu, quy mô doanh thu cho m i giai o n, tr ̣c h t th c hi n t t k ho ch KD n m 2013.

+ Ph i h p ch t ch v i Công ty m trong công tác th tr ̣ng, trong các ho t ̣ng t ng th u EPC.

Gi i pháp th c hi n:

- T v n thi t k i n: C ̣ng c i ̣ng qu n lý, i ̣ng ch nhi m k s thi t k áp ng t t yêu c u công vi c, c i thi n chính sách ti n l ̣ng thu nh p và môi tr ̣ng làm vi c. Làm t t công tác th tr ̣ng tìm ki m h p ̣ng t v n thi t k .

- T v n Gi i phóng m t b ng: Thu h p quy mô, l a ch n vùng mi n và h p ̣ng phù h p, qu n lý hi u qu ̣ các h p ̣ng m i, quy t toán d t i m các h p ̣ng t n ̣ng tr c ̣y.

- V D ch v : + Ti p t c phát huy th c hi n t t vi c qu n lý cung c p d ch v t i khu Nàng H ̣ng. Kh c ph c d t i m các t n t i kéo dài v c s v t ch t c ng nh v c ch v i các bên liên quan.

+ Chu n b t t các công vi c ti p nh n qu n lý d ̣ án M ình vào quý 4 n m nay.

- Công tác K ho ch - Công tác th tr ̣ng:

+ Th c hi n t t các nhi m v ̣u th u, qu n lý h p ̣ng, thanh toán, quy t toán, i u ch nh giá h p ̣ng.

+ Th c hi n t t vi c phân giao kh i l ̣ng, thanh toán cho các n v .

- + Hỗ trợ các nhân viên thành viên trong công tác thu thuế, công tác quản lý kế hoạch.
- + Bộ phận nghiên cứu phát triển thị trường mới cách chuyên nghiệp.

- Công tác Tài chính kế toán:

- + Thực hiện tất cả công tác lập kế hoạch, triển khai kế hoạch tài chính năm, kế hoạch quý, tháng - Kiểm soát tài chính của Công ty.
- + Cập nhật chính sách, chế độ, thực hiện và hướng dẫn các nhân viên thực hiện.
- + Thực hiện tất cả công tác kế toán, kiểm toán, chế độ kiểm tra nhắc nhở các nhân viên tuân thủ theo kế hoạch.
- + Thực hiện tất cả công tác tín dụng ngân hàng, công tác thu nợ.
- + Thành lập, đánh giá, nghiên cứu giá trị pháp lý chi phí hoạt động tài chính.

- Công tác kỹ thuật công nghệ :

- + Nâng cao năng lực quản lý, chỉ huy công trình tại Công ty mẹ và các nhân viên thành viên.
- + Chuẩn hóa các quy trình quản lý kỹ thuật, quy định chuẩn và tiêu chí công trình thi công.
- + Quản lý tất cả quy trình sản xuất, bố trí nhân máy móc thi công sản xuất, thi công.
- + Nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc vì các dự án liên quan đến nước ngoài, dự án EPC.
- + Ý thức nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu cải tiến, thi công các loại máy móc chuyên ngành phục vụ sản xuất, thi công.
- + Làm tốt công tác An toàn - Vệ sinh công nghiệp.

- Công tác quản lý vật tư :

- + Nâng cao tính kế hoạch trong quy trình mua sắm, quy trình giao nhận, quy trình toán vật tư.
- + Nâng cao chất lượng mua sắm vật tư thi công phục vụ công trình, phục vụ sản xuất.
- + Giám sát đúng định mức các nội dung quy trình toán còn tồn đọng.
- + Quản lý kho tàng, vật tư, báo cáo nhắc nhở các chủ trì công.

- Công tác thi đua - khen thưởng năm 2013:

Phát huy những thành tích tốt đẹp trong 50 năm qua công tác thi đua cần tập trung vào những nội dung sau:

- + Phát động kịp thời các phong trào thi đua đi vào các công trình trọng điểm, các công trình giảm bớt chi phí của chủ đầu tư.
- + Tập thể hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chí đánh giá các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng phù hợp, nhằm tạo động lực cho CBNV tích cực tham gia đóng góp vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- + Hướng dẫn các nhân viên tích cực xây dựng các hoạt động thi đua thi công tốt nhất của mình.

+ T ng c ng ho t ng c a h i ng xét duy t sáng ki n, nh m khen th ng k p th i nh ng cá nhân có sáng ki n, c i ti n k thu t, c i ti n qu n lý áp d ng vào s n xu t, qu n lý c a n v .

Trong b i c nh n n kinh t Vi t Nam, kinh t khu v c, kinh t th gi i v n còn nhi u khó kh n, d báo còn nhi u bi n ng ph c t p, m c tiêu nhi m v k ho ch 2013 c a Công ty t ra các ch tiêu l n, phát huy th m nh và k t qu mà chúng ta ã t c, truy n th ng kh c ph c khó kh n, n l c cao v i tinh th n oàn k t - N ng ng - i m i và Sáng t o, t p th lãnh o cùng b máy qu n lý, CB CNV toàn Côn g ty quản tri t m c tiêu nhi m v , quy t tâm ph n u hoàn thành th ng l i nhi m v k ho ch n m 2013.

IV. ánh giá c a H i ng qu n tr v ho t ng c a Công ty

1. ánh giá c a H i ng qu n tr v các m t ho t ng c a Công ty

B c vào th c hi n nhi m v n m 2012, trên c s nh n nh ánh giá m t cách khách quan , nghiêm túc, sát th c v c h i và thách th c. Công ty ã ra các m c tiêu nhi m v c th phù h p trên t t c các m t ho t ng t Xây l p, s n xu t công nghi p, u t và h p tác u t , T v n và d ch v cùng v i các gi i pháp ng b lãnh o i u hành các ho t ng c a toàn Công ty xuyên su t trong n m 2012.

M c dù 2012 là m t n m r t khó kh n nh ng Công ty ã kh c ph c khó kh n th thách, n m b t và khai thác hi u qu th i c , nâng cao n ng l c qu n lý h th ng, i u hành linh ho t theo đi n bi n c a n n kinh t nên Công ty ã hoàn thành th ng l i và v t m c các ch tiêu k ho ch ã t ra. Trong n m qua Công ty ã th c hi n t t các m t ho t ng, c th nh sau:

- Công tác xây l p và s n xu t công nghi p trong n m th c hi n r t t t ã áp ng c nhu c u cho khách hàng v ti n và ch t l ng , các d án u t và h p tác u t v n ti p t c th c hi n t t ng th i y m nh công tác u th u, khai thác th tr ng tìm ki m công vi c m i, t o c m i quan h t t v i ch u t , i tác, khách hàng, quan h tín d ng t t.

- m b o t c t ng tr ng v giá tr s n xu t kinh doanh, doanh thu, tài s n, ngu n v n, m b o t l c t c chia cho c ông m c 20%, m b o vi c làm và i s ng cho ng i lao ng v i m c thu nh p bình quân t m c trên 7 tri u ng/ng i/tháng.

- Công tác qu n lý ngày càng k c ng, k lu t và n n ph n. Công ty ã r t chú tr ng công tác ki m soát, thành l p các oàn ki m tra rà soát, ánh giá th c tr ng c a m t s Công ty trong h th ng nh m n m b t k p th i các m t còn t n t i, y u kém công tác u t có hi u qu h n. Ban hành và nh k s a i nh ng qui nh, qui ch trong n i b Công ty v i c i u hành c ng nh th c hi n t k t qu t t nh t.

- Ch t l ng các công tác: Công tác T ch c và qu n lý, công tác k ho ch và th tr ng, công tác tài chính và k toán, công tác k thu t công ngh , công tác mua s m và qu n lý v t t thi t b , công tác s n xu t công nghi p, công tác th c hi n các h p ng EPC và h p ng xu t kh u, công tác t v n và d ch v u ã c th c hi n r t t t và ngày m t có tính chuyên nghi p cao.

2. ánh giá c a H i ng Qu n tr v ho t ng c a Ban Giám c Công ty.

- Ban Giám đốc đã kịp thời triển khai các Nghị quyết của HĐQT Công ty, Ban Giám đốc đã hỗ trợ ứng dụng công nghệ, nhiệm vụ, ứng dụng quy chế, phù hợp với lợi ích doanh nghiệp và lợi ích cho công nhân Công ty và các quy chế của Công ty đã ra.

- Ban Giám đốc đã duy trì thành công xuyên các cuộc họp giao ban tuần, triển khai họp kế hoạch tháng, triển khai họp kế hoạch quý, từng kết quả. Thành phố đã hỗ trợ, nội dung họp tập trung giải quyết các vấn đề trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty, những khó khăn và vấn đề cần giải quyết trong cuộc họp.

- Tùy theo tình hình sản xuất từng thời điểm, Ban giám đốc đã có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban giám đốc vì điều hành tốt kết quả tốt nhất.

Trong năm 2012 Ban lãnh đạo đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn thách thức, nỗ lực và khai thác hiệu quả thế lực, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế.

3. Các kế hoạch, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.

3.1. Các mục tiêu chủ yếu.

- Tiếp tục phát triển thị trường PCC1, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Không ngừng cải tiến trang thiết bị, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến nhất nhằm rút ngắn tiến độ thi công nhằm giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng công trình.

- Mở rộng thị trường và sản phẩm ra ngoài ngành điện, phát triển thị trường nước ngoài và thị trường ngành EPC, PC xây dựng và vận hành các công trình áp suất cao và trung áp.

- Tăng cường công tác quản trị Doanh nghiệp và Quản lý rủi ro.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao hiệu suất công việc và tinh thần cho CBNV nhằm khuyến khích sản xuất và nâng cao năng suất của CBNV và Công ty.

- Tối ưu hóa lợi nhuận, mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông.

- Phát triển Công ty song song với việc tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Xác định xây dựng và sản xuất công nghiệp và là lĩnh vực kinh doanh chính, chi mô hình trọng yếu trong toàn bộ cấu trúc doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Bên cạnh đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh then chốt và các dự án đầu tư hiện tại. Công ty xây dựng chiến lược đầu tư và hợp tác đầu tư vào những ngành hỗ trợ cho ngành kinh doanh chính của Công ty hoặc đầu tư vào các ngành nghề có lợi nhuận tiềm năng trong tương lai.

- Chú trọng nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm phát triển Công ty theo hướng bền vững.

V. Quản trị Công ty

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

- Hội đồng Quản trị Công ty gồm có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không giữ hành tại Công ty.

- Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ hàng tháng và bàn bạc thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của Công ty và pháp luật. Nội dung Hội đồng Quản trị đã họp và thông qua những nội dung chính sau:

- Nhận hàng chi nhánh các thị trường kinh doanh và xuất trong năm 2012.
- Đánh giá tình hình thị trường kinh doanh SXKD hàng tháng, quý có những ảnh hưởng chủ yếu như sau:
 - Các vấn đề liên quan đến xuất.
 - Thông qua kế hoạch, chi phí tình hình, nội dung kế hoạch công tác năm 2012
 - Thông qua kế hoạch tăng vốn đầu tư Công ty PCCI Miền Nam từ 7 tỷ lên 10 tỷ đồng.
 - Công ty mua các Chi nhánh tại địa phương và nhập tại Công ty ông Anh-Hyundai.
 - Ban hành Quy chế hoạt động của các chi nhánh và của PCCI.
 - Sửa đổi nội dung của Quy chế tài chính (lần 5).
 - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy chế phân bổ tài chính cán bộ của Công ty và gia Công ty về các nhân viên.
 - Sửa đổi nội dung của Công ty PCCI - Miền (lần 2).
 - Thông qua Tờ trình số: 116/TT-PCCI-TG ngày 18/6/2012 của Tổng Giám đốc Công ty về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012.
 - Thông qua Tờ trình số: 142/TT-PCCI-TG ngày 16/8/2012 của Tổng Giám đốc Công ty về việc ban hành Quy chế về việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các danh sách công ty con.
 - Thông qua Tờ trình số: 167/TT-PCCI-TG ngày 27/9/2012 của Tổng Giám đốc Công ty về việc mua các phần làm các phụ kiện.
 - Thông qua Tờ trình số: 31/TTr-PCCI-HQT ngày 01/10/2012 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty về việc góp vốn đầu tư phần vốn tăng thêm tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng.
 - Phê duyệt chuyển đổi Chi nhánh I.3 và Chi nhánh I.6 thành Công ty TNHH mới thành viên trực thuộc Công ty.
 - Phê duyệt thành lập Phòng Phát triển thị trường.
 - Thay đổi tổ chức tại Xây dựng lần 4.
 - Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả mua các phụ kiện.

Trên các buổi họp, thủ ký sẽ ghi chép những tình hình và các tài liệu liên quan đến các nội dung họp tại các thành viên HĐQT theo đúng qui định. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình SXKD của công ty và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị thông qua.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát hoạt động chấp hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của Ban kiểm soát.

Trong năm qua Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra đánh giá về tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm đánh giá tính hợp lý của các số liệu và giám sát theo dõi kiểm tra tính tuân thủ quy định của Hội đồng Công ty hàng năm 2012, phù hợp với nội dung kế hoạch hoạt động của Công ty và qui định của pháp luật. Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng thường xuyên làm việc với các phòng ban và các nhân viên trực thuộc Công ty nhằm nắm bắt tình hình của Công ty và có ý kiến góp phần vào Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Phúc lợi	Các khoản lợi ích khác	Tổng
I	Hội đồng quản trị			276	0	276
1	Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch		120		120
2	Ông Võ Văn T	Phó chủ tịch		84		84
3	Ông Chu Tuấn Ngọc	Thành viên		24		24
4	Ông Võ Hoàng Quang	Thành viên		24		24
5	Bà Mai Thị Hiền	Thành viên		24		24
II	Ban Giám đốc		2.688		299	2.987
1	Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	1.008		111	1.119
2	Ông Võ Văn T	Phó Tổng Giám đốc	405		47	452
3	Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc	405		47	452
4	Ông Võ Hoàng Quang	Phó Tổng Giám đốc	60			60
5	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	405		47	452
6	Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	405		47	452

III	Ban kiểm soát		559	108	75	742
1	Nguyễn Thị Hòa	Trưởng ban	187	72	25	284
2	Nguyễn Trọng Cường	Thành viên	206	18	25	249
3	Vũ Văn Hòa	Thành viên	166	18	25	209

5. Tỉ lệ số vốn góp vào ngành thay đổi trong tổng tài sản công ty cổ phần của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

S TT	Họ và tên	Chức vụ	C. số vốn góp (31/12/2012)	Tỉ lệ số vốn (31/12/2012)	Ghi chú
I	Các thành viên HĐQT				
1	Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch	4.471.525	31,94%	
2	Ông Vũ Văn Tuấn	Phó chủ tịch	173.742	1,24%	
3	Ông Chu Văn Ngọc	Thành viên	0	0%	
4	Ông Võ Hoàng Quang	Thành viên	356.850	2,55%	
5	Bà Mai Thị Hiền	Thành viên	377.000	2,69%	
II	Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Hòa	Trưởng ban	2.275	0,02%	
2	Nguyễn Trọng Cường	Thành viên	0	0%	
3	Vũ Văn Hòa	Thành viên	4.266	0,03%	
III	Ban Giám đốc				
1	Ông Trần Văn Tuấn	Trưởng GD	4.471.525	31,94%	
2	Ông Vũ Văn Tuấn	Phó trưởng GD	173.742	1,24%	
3	Ông Nguyễn Văn Văn	Phó trưởng GD	21.000	0,15%	
4	Ông Võ Hoàng Quang	Phó trưởng GD	356.850	2,55%	
5	Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó trưởng GD	396.000	2,83%	
IV	Kiểm toán độc lập				
	Bà Đoàn Thị Liên	Kiểm toán độc lập	63.620	0,45%	

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các lưu chuyển tài sản trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về nội dung và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính kế toán.

M u B 01-DN/HN

BẢNG CÂN KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A. TÀI SẢN NG NH N	100		1.031.760.173.008	1.022.390.743.035
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản thanh toán	110	5.1	74.723.627.463	69.774.259.178
1. Tiền	111		33.473.627.463	57.174.259.178
2. Các khoản thanh toán	112		41.250.000.000	12.600.000.000
II. Các khoản nợ tài chính ngắn hạn	120		-	6.330.000.000
1. Nợ ngắn hạn	121	5.2	-	6.330.000.000
III. Các khoản phí thu ngắn hạn	130		506.610.695.345	543.055.289.709
1. Phí thu khách hàng	131		452.496.529.741	492.133.062.937
2. Trả lại cho người bán	132		41.352.512.343	33.050.388.235
5. Các khoản phí thu khác	135	5.3	23.367.433.695	28.193.219.184
6. Dự phòng phí thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.605.780.434)	(10.321.380.647)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	430.506.318.465	385.117.548.424
1. Hàng tồn kho	141		431.483.149.915	386.917.555.295
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(976.831.450)	(1.800.006.871)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.919.531.735	18.113.645.724
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	727.126.419	884.464.245
2. Thu GTGT chưa trừ	152		573.221.351	363.930.246
3. Thu và các khoản khác phí thu Nhà nước	154		4.411.482	1.208.490
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	18.614.772.483	16.864.042.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.352.054.731	209.301.147.965
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phí thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		93.295.710.202	108.804.209.283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	90.499.727.030	103.395.982.689
- Nguyên giá	222		245.341.870.024	241.422.551.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.842.142.994)	(138.026.568.953)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.758.298.724	3.293.240.275
- Nguyên giá	228		10.816.571.854	10.816.571.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.058.273.130)	(7.523.331.579)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	37.684.448	2.114.986.319
III. Bất động sản	240		-	-
IV. Các khoản nợ tài chính dài hạn	250		98.152.070.000	88.096.500.000
3. Nợ dài hạn khác	258	5.10	98.152.070.000	88.096.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.982.164.638	12.400.438.682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	9.349.539.840	11.451.802.961
2. Tài sản thu mua nhập hoãn lại	262		384.488.798	700.499.721
3. Tài sản dài hạn khác	268		248.136.000	248.136.000
VI. Lợi thế thương mại	269		5.922.109.892	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.239.112.227.739	1.231.691.891.000

B NG CÂN IK TOÁN H P NH T (Ti p theo)

T i ngày 31 tháng 12 n m 2012

NGU NV N	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. N PH ITR	300		907.234.137.554	897.701.943.457
(300 = 310+330)				
I. N ng nh n	310		902.998.744.006	886.893.215.284
1. Vay và n ng nh n	311	5.12	409.022.249.240	489.777.317.903
2. Ph i tr ng i bán	312		187.261.383.350	163.885.917.408
3. Ng i mua tr ti n tr c	313		141.070.770.454	62.828.950.991
4. Thu và các kho n ph i n p Nhà n c	314	5.13	40.449.104.279	33.262.721.343
5. Ph i tr ng ilao ng	315		37.910.442.896	38.228.355.775
6. Chi phí ph i tr	316	5.14	16.384.089.781	27.047.796.267
9. Các kho n ph i tr , ph i n p ng nh n khác	319	5.15	48.407.741.797	40.867.962.296
10. D phòng ph i tr ng nh n	320	5.16	15.617.436.366	22.108.307.962
11. Qu khen th ng phúc li	321		6.875.525.843	8.885.885.339
II. N dài h n	330		4.235.393.548	10.808.728.173
3. Ph i tr dài h n khác	333		31.200.000	-
4. Vay và n dài h n	334	5.17	4.200.000.000	8.313.066.072
6. D phòng tr c p m t vi c làm	336		-	1.876.809.010
8. Doanh thu ch a th c hi n	338		4.193.548	618.853.091
B. V N CH S H U	400		321.604.695.037	305.197.305.269
(400 = 410+430)				
I. V n ch s h u	410	5.18	321.604.695.037	305.197.305.269
1. V n ut c ach s h u	411		140.000.000.000	140.000.000.000
2. Th ng d v n c ph n	412		25.832.187.500	25.832.187.500
4. C phi u qu	414		(18.106.000.000)	-
5. Chên l ch ánh giá tài s n	415		432.841.146	524.655.934
6. Chên l ch t giá h i oái	416		717.039.224	688.604.251
7. Qu ut phát tri n	417		11.796.873.394	11.796.873.394
8. Qu d phòng tài chính	418		9.153.056.781	9.153.056.781
9. Qu khác thu c v n ch s h u	419		3.261.985.488	3.261.985.488
10. L i nhu n sau thu ch a phân ph i	420		148.516.711.504	113.939.941.921
II. Ngu n kinh phí và qu khác	430		-	-
C. L I ÍCH C ÔNG THI US	439	5.19	10.273.395.149	28.792.642.274
T NG C NG NGU NV N	440		1.239.112.227.739	1.231.691.891.000
(440 = 300+400 + 439)				

CÁC CH TIÊU NGOÀI B NG CÂN IK TOÁN H P NH T

T i ngày 31 tháng 12 n m 2012

CH TIÊU	TM	31/12/2012	01/01/2012
4. N khó òi ã x lý (VND)		12.373.726.137	12.373.726.137
5. Ngo it các lo i USD		10.106,00	32.828,69

BÁO CÁO K T QU HO T NG KINH DOANH H P NH T

Cho n m tài chính k t thức ngày 31/12/201 2

CH TIÊU	MS	TM	N m 2012	N m 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung c p d ch v	01		1.407.458.523.929	1.076.978.743.478
2. Các kho n gi m tr doanh thu	02		17.542.400	8.595.600
3. Doanh thu thu n v bán hàng và cung c p d ch v (10 = 01-02)	10	5.20	1.407.440.981.529	1.076.970.147.878
4. Giá v n hàng bán	11	5.21	1.182.030.828.029	922.630.703.760
5. L i nhu n g p v bán hàng và cung c p d ch v (20 = 10-11)	20		225.410.153.500	154.339.444.118
6. Doanh thu ho t ng tài chính	21	5.22	1.175.497.579	7.038.655.968
7. Chi phí tài chính	22	5.22	62.277.835.494	72.512.783.953
<i>Trong ó: Chi phí lãi vay</i>	23		62.090.145.136	70.227.635.786
8. Chi phí bán hàng	24		6.699.616.390	9.428.595.821
9. Chi phí qu n lý doanh nghi p	25		80.855.100.942	61.254.280.787
10. L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		76.753.098.253	18.182.439.525
11. Thu nh p khác	31	5.23	2.577.895.808	48.102.156.077
12. Chi phí khác	32	5.23	1.116.408.897	9.538.756.578
13. L i nhu n khác (40 = 31-32)	40		1.461.486.911	38.563.399.499
14. Ph n lãi (l) trong công ty liên k t, liên doanh	45		-	-
14. T ng l i nhu n k toán tr c thu (50 = 30+40+45)	50		78.214.585.163	56.745.839.024
15. Chi phí thu TNDN hi n hành	51	5.24	14.886.055.597	11.990.662.609
16. Chi phí thu TNDN hoãn l i	52		(384.488.798)	(331.399.382)
17. L i nhu n sau thu thu nh p doanh nghi p (60 = 50-51-52)	60		63.713.018.365	45.086.575.797
17.1 L i nhu n sau thu c a C ông thi u s	61		2.408.489.598	1.906.359.184
17.2 L i nhu n sau thu c a các C ông c a Công ty	62		61.304.528.766	43.180.216.613
18. Lãi c b n trên c phi u	70	5.25	4.426	3.332

BÁO CÁO L U CHUY N TI NT H P NH T M u B 03-DN/HN

(Theo ph ng pháp giá n t i p)

Cho n m tài chính k t thúc ngày 31/12/201 2

CH TIÊU	MS TM		N m 2012	N m 2011
	2	3	VND	VND
1			3	4
I. L u chuy n tí n t ho t ng kinh doanh				
1. <i>L i nhu n tr c thu</i>	01		78.214.585.163	56.745.839.024
2. <i>i u ch nh cho các kho n</i>				
- Kh u hao tài s n c nh	02		20.886.161.167	18.734.049.016
- Các kho n d phòng	03		(8.906.456.240)	(1.279.047.562)
- Lãi, l chnh l ch t giá h i oái ch a th c hi n	04		8.150.650	656.667.029
- Lãi, l t ho t ng ut	05		(1.497.944.564)	(7.239.593.297)
- Chi phí lãi vay	06		62.090.145.136	70.227.635.786
3. <i>L i nhu n t ho t ng kinh doanh tr c thay i v n l u ng</i>	08		150.794.641.312	137.845.549.996
- T ng, gi m các kho n ph i thu	09		34.196.970.738	(53.848.370.686)
- T ng, gi m hàng t n kho	10		(39.858.176.416)	(44.572.660.063)
- T ng, gi m các kho n ph i tr	11		68.829.985.860	(20.272.405.069)
- T ng, gi m chi phí tr tr c	12		4.343.204.854	(16.293.112.099)
- Ti n lãi vay ã tr	13		(58.874.279.708)	(69.687.058.980)
- Thu thu nh p doanh nghi p ã n p	14		(13.388.325.861)	(26.884.144.112)
- Ti n thu khác t ho t ng kinh doanh	15		793.978.455	203.005.186
- Ti n chi khác t ho t ng kinh doanh	16		(9.069.665.049)	(2.472.594.721)
L u chuy n tí n thu n t ho t ng kinh doanh	20		137.768.334.185	(95.981.790.548)
II. L u chuy n tí n t ho t ng ut				
1. Ti n chi mua s m, xây d ng TSC	21		(3.914.029.466)	(29.148.929.729)
2. Ti n thu t thanh lý, nh ng bán TSC	22		528.968.182	512.795.000
3. Ti n chi cho vay, mua các công c n c a n v khác	23		(880.000.000)	-
4. Ti n thu h i cho vay, bán l i các công c n c a n v khác	24		7.210.000.000	23.141.566.667
5. Ti n chi ut góp v n vào n v khác	25		(10.055.570.000)	(82.896.500.000)
7. Ti n thu lãi cho vay, c t c và l i nhu n c chia	27		1.175.497.579	6.758.061.469
L u chuy n tí n thu n t ho t ng ut	30		(5.935.133.705)	(81.633.006.593)
III. L u chuy n tí n t ho t ng tài chính				
1. Ti n thu t phát hành c phi u, nh n v n góp c a ch s h u	31		-	52.000.000.000
2. Ti n chi tr v n góp cho các ch s h u, mua l i c phi u c a doanh nghi p ã phát hành	32		(18.106.000.000)	-
3. Ti n vay ng n h n, dài h n nh n c	33		849.112.582.414	859.182.511.559
4. Ti n chi tr n g c vay	34		(933.980.717.149)	(726.374.216.168)
6. C t c, l i nhu n ã tr cho ch s h u	36		(23.938.132.434)	(21.341.554.100)
L u chuy n tí n thu n t ho t ng tài chính	40		(126.912.267.169)	163.466.741.291
L u chuy n tí n thu n trong k (50 = 20+30+40)	50		4.920.933.311	(14.148.055.850)
Ti n và t ng ng tí n u k	60		69.774.259.178	83.940.065.266
nh h ng c a thay it giá h i oái quy i ngo it	61		28.434.973	(17.750.238)
Ti n và t ng ng tí n cu i k (70 = 50+60+61)	70		74.723.627.463	69.774.259.178

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức h u v n

Công ty Cổ phần Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 11 năm 2012 với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100745.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No 1

Tên viết tắt: PCC 1

Trụ sở chính: Số 18 Lý Thường Kiệt, Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Các văn phòng thu c g m:

<u>Tên văn phòng</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Văn phòng Công ty	Số 583 Km 9 Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
2. Chi nhánh 1.3	Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
3. Chi nhánh 1.6	Văn La, Phường Văn Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
4. Trung tâm Tư vấn	Thôn Chanh, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận ngày 31/5/2012)

Các Công ty con:

<u>Tên văn phòng</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng - Ba La	Km 0 Quốc lộ 21B, Xã Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng - Mễ Trì	Thôn Chanh, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng Miền Nam	Cao Cốc An Khang, Số 28 Đường 19, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng - Minh	Xóm 7, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng - Hoàng Mai	Số 471 Đường Nguyễn Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng - Nàng Hằng	Số 583 Km 9 Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,	100%	100%
Công ty TNHH Chế tạo kết cấu thép - Huyndai	Tổ 23, Thôn Đông Anh, Thành phố Hà Nội	90%	90%
Công ty Cổ phần Tư vấn	Số 583 Km 9 Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,	80%	80%
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Phân bón	Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	51%	47,25%
Công ty TNHH Mặt thành viên Xây dựng - Miền Bắc	Thôn Chanh, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Thành lập ngày 01/6/2012)	100%	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ nhà giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản;
- Thiết kế dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cốt thép, máy móc nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phức tạp dân dụng và công nghiệp;
- Đào tạo nhân sự chính, giám sát, trích nhiệm vụ nhân sự thi công công trình;
- Khai thác và chuyển nhượng các loại;
- Đào tạo nghề xây dựng;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, nhân sự, giám sát, giám sát;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch và các dịch vụ khác;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất kinh doanh, thiết bị, kết cấu thép, kim khí, vật liệu xây dựng, vật liệu và phụ kiện công trình dân dụng, chế tạo thiết bị xây dựng, thiết bị phi tiêu chuẩn, lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dân dụng, ngành dây cáp quang;
- Sản xuất, kinh doanh dân dụng;
- Xây dựng các công trình ngành dây điện và truyền tải điện áp, các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;

Hoạt động chính của Công ty trong năm là Xây dựng, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh bất động sản.

2. C S L P BÁO CÁO TÀI CHÍNH H P NH T VÀ N M TÀI CHÍNH

C s l p Báo cáo tài chính h p nh t

Báo cáo tài chính h p nh t kèm theo trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chuẩn Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính h p nh t.

N m tài chính

N m tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHU N M C VÀ CH K TOÁN ÁP DỤNG

Ch và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/Q -BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chuẩn Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chuẩn kế toán

Ban Giám đốc Công ty cam bố đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chuẩn kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính h p nh t cho n m tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH K TOÁN ÁP DỤNG

C s h p nh t Báo cáo tài chính h p nh t

Báo cáo tài chính h p nh t các Báo cáo tài chính c a Công ty và Báo cáo tài chính c a các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) c l p cho n ngày 31 tháng 12 hàng n m. Vì c kiểm soát này t c khi Công ty có kh n ng kiểm soát các chính sách tài chính và ho t ng c a các công ty nh n u t nh m thu c l ích t ho t ng c a các công ty này.

T t c các nghi p v và s d gi a các Công ty trong cùng t h p Công ty m và Công ty con c lo i b khi h p nh t Báo cáo tài chính.

c tính k toán

Vi c l p Báo cáo tài chính h p nh t tuân th theo các Chu n m c k toán Vi t Nam, Ch k toán Vi t Nam và các quy nh hi n hành có liên quan t i Vi t Nam yêu c u Ban Giám c ph i có nh ng c tính và gi nh nh h ng n s li u báo cáo v công n , tài s n và vi c trình bày các kho n công n và tài s n t m tăng t i ngày l p Báo cáo tài chính h p nh t c ng nh các s li u báo cáo v doanh thu và chi phí trong su t n m tài chính. K t qu ho t ng kinh doanh h p nh t th c t có th khác v i các c tính, gi nh t ra.

Công c tài chính

Ghi nh n ban u

Tài s n tài chính

T i ngày ghi nh n ban u, tài s n tài chính c ghi nh n theo giá g c c ng các chi phí giao d ch có liên quan tr c ti p n vì c mua s m tài s n tài chính ó.

Tài s n tài chính c a Công ty bao g m t m m t, t i ng i ng n h n, các kho n ph i thu ng n h n và các kho n ph i thu khác.

Công n tài chính

T i ngày ghi nh n ban u, công n tài chính c ghi nh n theo giá g c tr i các chi phí giao d ch có liên quan tr c ti p n vì c phát hành công n tài chính ó.

Công n tài chính c a Công ty bao g m các kho n ph i tr khách hàng và ph i tr khác, các kho n n , các kho n vay.

ánh giá l i sau l n ghi nh n ban u

Hi n t i, ch a có quy nh v ánh giá l i công c tài chính sau ghi nh n ban u.

Các kho n u t tài chính

Các kho n u t vào các n v mà Công ty không n m gi quy n kiểm soát ho c có nh h ng tr ng y u c ph n ánh theo giá g c. Đ phòng gi m giá u t c l p khi Ban Giám c Công ty cho r ng vì c gi m giá này là không t m th i và không n m trong k ho ch c a n v c u t . Đ phòng c hoàn nh p khi có s t ng lên sau ó c a giá tr có th thu h i.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát ít nhất 50% vốn điều lệ của công ty con. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận hoặc lỗ của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ khi có quy định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Hội đồng) công ty con.

Tiền và tài sản ngắn hạn

Tiền mặt và các khoản ngắn hạn bao gồm tiền mặt, tiền gửi, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có kỳ hạn ngắn thanh khoản cao để đảm bảo chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến đổi giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Cuốn sổ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra ngày Việt Nam theo tỷ giá quy định. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuốn sổ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tỷ giá và chênh lệch giá trị, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người bán khó có khả năng thanh toán do bất thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn khác.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, trừ đi các hàng tồn kho giảm giá và tăng thái hiếm có. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. CÁC CHÍNH SÁCH K TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản hữu hình và khấu hao

Tài sản hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Đóng cửa quản lý	03 - 06
Tài sản khác	04 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản đang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bán tại mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dự chi và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu khi tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả ngắn hạn và phải trả khác không chịu lãi và được phân ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phát sinh từ chi phí phát sinh như trích từ các vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà một khi chi phí phát sinh từ không gây thiệt hại cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở mà nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí phát sinh, nếu có chênh lệch về lãi trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tín dụng phải chi thanh toán ngay và hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi nhánh khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả sẽ lập ban thẩm định để bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả sẽ lập kế toán trích chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ dự phòng phải trả lập kế báo cáo hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch liên hệ của khoản dự phòng phải trả vào bảng công trình xây dựng hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH K TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thu (Tiếp theo)

Thu thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và được tính thu thu nhập. Thu thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thu thu nhập hoãn lại phải trừ đi các ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tiềm ẩn tài sản thu thu nhập hoãn lại để ghi nhận khi chắc chắn có lợi nhuận tính thu trong tương lai sẽ được các khoản chênh lệch tiềm ẩn khấu trừ.

Tài sản thu thu nhập hoãn lại và nợ thu thu nhập hoãn lại phải trừ bù trừ khi Công ty có quyền pháp lý bù trừ giá trị tài sản thu thu nhập hiện hành với thu thu nhập hiện hành phải và khi các tài sản thu thu nhập hoãn lại và nợ thu thu nhập hoãn lại phải liên quan tới thu thu nhập doanh nghiệp cùng nội dung cùng mục quan hệ và Công ty có đủ khả năng thanh toán thu thu nhập hiện hành trên cơ sở thu nhập.

Các loại thu khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cơ phiếu

Lãi trên cơ phiếu là lợi ích của các phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thu được của công ty cho số phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của phiếu phổ thông đang hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cơ phiếu được xác định bằng việc chia lợi nhuận hoặc lỗ thu được của công ty cho số phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của phiếu phổ thông đang hành do những hạn chế của các phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chuyển đổi cơ phiếu.

Các bên liên quan

Coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp khác Công ty M, các công ty con của Công ty M, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chủ sở hữu kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên quan, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể với Công ty. Những chức trách quản lý chính thức như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên quan này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bán phá sản

Bán phá sản là thành phần có thể phân biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bán phá sản theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi môi trường kinh tế thị trường (bán phá sản theo khu vực địa lý) mà bán phá sản này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bán phá sản kinh doanh khác. Ban Giám đốc nhận thấy Công ty hoạt động trong các bán phá sản theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng, sản xuất công nghiệp và hoạt động trong một bán phá sản theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bán phá sản được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHẾ ĐỘ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI K TOÁN HỢP NHẤT BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tài sản và các khoản nợ tài sản

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản	4.235.487.466	5.064.582.626
Tiền gửi ngân hàng	29.238.139.997	52.109.676.552
Các khoản nợ tài sản	41.250.000.000	12.600.000.000
Tổng	74.723.627.463	69.774.259.178

5.2 Tài sản khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
u t ng n h n khác	-	6.330.000.000
T ng	-	6.330.000.000
5.3 Ph i thu khác		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ph i thu khác	23.367.433.695	28.193.219.184
T ng	23.367.433.695	28.193.219.184
5.4 Hàng t n kho		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên li u, v t li u	51.854.080.448	67.347.867.536
Công c , d ng c	940.986.583	473.997.355
Chi phí s n xu t, kinh doanh d dang	378.542.003.109	318.947.961.485
Thành ph m	113.842.857	147.728.919
Hàng hoá	11.084.275	-
Hàng g i i bán	21.152.643	-
T ng	431.483.149.915	386.917.555.295
D phòng gi m giá Hàng t n kho	(976.831.450)	(1.800.006.871)
Giá tr thu n c a hàng t n kho	430.506.318.465	385.117.548.424
5.5 Chi phí tr tr c ng n h n		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công c d ng c ch phân b	727.126.419	884.464.245
T ng	727.126.419	884.464.245
5.6 Tài s n ng n h n khác		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
T m ng	14.691.620.503	16.577.273.806
C m c ký c c ký qu ng n h n	3.923.151.980	286.768.937
T ng	18.614.772.483	16.864.042.743

5.7 Tài sản nh hình

n v tính: VND

	Nhà c a, v t ki n trúc	Máy móc, thi t b	Ph ng ti n v n t i, truy n d n	Thi t b , đ ng c qu n lý	TSC h u hình khác	T ng
NGUYÊN GIÁ						
S đ t i 01/01/2012	69.072.774.245	120.863.403.411	43.009.889.031	7.827.869.970	648.614.985	241.422.551.642
T ng trong n m	367.667.504	6.862.707.625	363.636.364	194.357.273	-	7.788.368.766
Mua trong n m	55.214.045	6.781.525.601	363.636.364	194.357.273	-	7.394.733.283
XDCB hoàn thành	312.453.459	-	-	-	-	312.453.459
T ng khác	-	81.182.024	-	-	-	81.182.024
Gi m trong n m	221.236.660	1.428.412.140	1.243.610.846	975.790.738	-	3.869.050.384
Thanh lý, nh ng bán	140.054.636	1.428.412.140	1.243.610.846	930.089.150	-	3.742.166.772
Gi m khác	81.182.024	-	-	45.701.588	-	126.883.612
S đ t i 31/12/2012	69.219.205.089	126.297.698.896	42.129.914.549	7.046.436.505	648.614.985	245.341.870.024
HAO MÒN L Y K						
S đ t i 01/01/2012	27.219.142.930	80.195.144.657	26.192.827.450	4.360.751.312	58.702.605	138.026.568.953
T ng trong n m	4.700.756.232	11.156.851.536	3.487.336.360	883.358.056	150.007.758	20.378.309.942
Kh u hao trong n m	4.700.756.232	11.129.761.210	3.487.336.360	883.358.056	150.007.758	20.351.219.616
T ng khác	-	27.090.326	-	-	-	27.090.326
Gi m trong n m	132.675.505	1.355.034.336	1.157.225.489	917.800.571	-	3.562.735.901
Thanh lý, nh ng bán	105.585.179	1.355.034.336	1.157.225.489	917.800.571	-	3.535.645.575
Gi m khác	27.090.326	-	-	-	-	27.090.326
S đ t i 31/12/2012	31.787.223.657	89.996.961.857	28.522.938.321	4.326.308.797	208.710.363	154.842.142.994
GIÁ TR CÒN L I						
T i 01/01/2012	41.853.631.315	40.668.258.754	16.817.061.581	3.467.118.658	439.904.622	103.395.982.689
T i 31/12/2012	37.431.981.432	36.300.737.039	13.606.976.228	2.720.127.708	589.912.380	90.499.727.030

Nguyên giá và Giá tr còn l i c a tài s n c nh h u hình t i ngày 3 1/12/2012 ã dùng th ch p, c m c cho các kho n vay l n l t là 126.069.372.534 ng và 37.018.850.619 ng.

Nguyên giá tài s n c nh h u hình ã kh u hao h t nh ng v n còn s đ ng v i giá tr là 77.098.429.478 ng

5.8 Tài sản cố định vô hình

n v tính: VND

	Quy n s d ng t	Ph n m m máy tính	T ng
NGUYỄN GIÁ			
S d t i 01/01/2012	10.634.265.854	182.306.000	10.816.571.854
T ng trong n m	-	-	-
Gi m trong n m	-	-	-
S d t i 31/12/2012	10.634.265.854	182.306.000	10.816.571.854
HAO MỒN L Y K			
S d t i 01/01/2012	7.425.546.498	97.785.081	7.523.331.579
T ng trong n m	477.614.747	57.326.804	534.941.551
Kh u hao trong n m	477.614.747	57.326.804	534.941.551
Gi m trong n m	-	-	-
S d t i 31/12/2012	7.903.161.245	155.111.885	8.058.273.130
GIÁ TR CÒN L I			
T i 01/01/2012	3.208.719.356	84.520.919	3.293.240.275
T i 31/12/2012	2.731.104.609	27.194.115	2.758.298.724

5.9 Xây dựng cơ bản đang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm TSC , Công c d ng c	-	71.847.000
Nâng c p X ng Yên Th ng	37.684.448	2.043.139.319
T ng	37.684.448	2.114.986.319

5.10 u t dài h n khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon		
<i>C ph n cam k t mua</i>	400.000	400.000
<i>S t i n ã góp</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP u t và Khoáng s n Vinaincon		
<i>C ph n cam k t mua</i>	300.000	300.000
<i>S t i n ã góp</i>	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Gang thép Cao B ng		
<i>C ph n ã mua</i>	7.528.380	6.586.500
<i>S t i n ã góp</i>	92.130.300.000	82.711.500.000
Ngân hàng BIDV		
<i>C ph n ã mua</i>	44.420	-
<i>S t i n ã mua</i>	821.770.000	185.000.000
T ng	98.152.070.000	88.096.500.000

5.10 Tài sản dài hạn khác (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm xi măng và thỏi cao, với vốn đầu tư 40.000.000.000 đồng. Tỷ lệ Công ty nắm giữ là 10% và góp.

Công ty Cổ phần Xuất và Khoáng sản Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, với vốn đầu tư 20.000.000.000 đồng. Tỷ lệ Công ty nắm giữ là 6% và góp.

Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng có ngành nghề kinh doanh là khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, với vốn đầu tư là 385.000.000.000 đồng.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ	6.672.602.671	7.123.726.091
Chi phí thuê đất nhà xưởng	998.313.068	1.697.933.610
Chi phí khác	1.678.624.101	2.630.143.260
Tổng	9.349.539.840	11.451.802.961

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	406.922.249.240	486.226.939.775
Ngân hàng Xuất và Phát triển Hà Nội	124.977.266.928	115.131.677.245
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh HCM	-	1.067.000.000
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Hà Tây	67.581.258.995	59.635.180.719
Công ty Tài chính Cổ phần Nhân lực	66.638.518.861	175.326.943.629
Ngân hàng Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	77.963.668.817	-
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	13.921.424.706	-
Vay cá nhân	55.840.110.933	135.066.138.182
Nợ dài hạn ngắn hạn	2.100.000.000	3.550.378.128
Tổng	409.022.249.240	489.777.317.903

5.13 Thu và các khoản phí n p Nhà n c

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thu giá tr gia t ng	27.489.707.800	20.540.602.535
Thu xu t, nh p kh u	745.781.333	-
Thu thu nh p doanh nghi p	11.676.558.918	10.956.341.318
Thu thu nh p cá nhân	455.943.882	1.217.837.687
Thu nhà t và ti n thuê t	80.533.346	547.929.043
Các lo i thu khác	579.000	10.760
Các kho n phí, l phí và các kho n ph i n p khác	-	-
T ng	40.449.104.279	33.262.721.343

5.14 Chi phí ph i tr

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí các công trình xây l p	15.348.798.033	22.592.917.234
Chi phí nguyên v t li u	143.256.428	2.950.330.349
Các chi phí khác	892.035.320	1.504.548.684
T ng	16.384.089.781	27.047.796.267

5.15 Các kho n ph i tr ph i n p ng n h n khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài s n th a ch gi i quy t	-	-
Kinh phí công oàn	1.433.915.905	1.266.284.155
B o hi m xã h i	1.118.691.285	1.031.252.893
B o hi m y t	164.203.729	133.244.527
B o hi m th t nghi p	49.409.444	93.257.886
Các kho n ph i tr , ph i n p khác	45.641.521.434	38.343.922.835
<i>C t c ph i tr</i>	<i>2.317.606.735</i>	<i>337.930.950</i>
<i>Ph i tr các i xây l p</i>	<i>11.958.662.260</i>	<i>3.001.607.027</i>
<i>Lãi vay v n cá nhân, ph i tr ph i n p khác</i>	<i>31.365.252.439</i>	<i>35.004.384.858</i>
T ng	48.407.741.797	40.867.962.296

5.16 D phòng ph i tr ng n h n

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí b o hành công trình s n ph m	15.617.436.366	22.108.307.962
T ng	15.617.436.366	22.108.307.962

5.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Việt Nam	6.300.000.000	11.784.015.628
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Hà Tây	-	79.428.572
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	6.300.000.000	11.863.444.200
Tr:		
Nợ dài hạn ngắn hạn		
Vay dài hạn ngắn hạn	2.100.000.000	3.550.378.128
Tổng	4.200.000.000	8.313.066.072

5.18 Vốn chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn và phân phối cổ phần, chia lợi nhuận:

	N m 2012	N m 2011
	VND	VND
Vốn ưu đãi		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	140.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp trong năm		40.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	140.000.000.000	140.000.000.000
Cổ phần ưu đãi	25.917.808.219	20.000.000.000
Cổ phần ưu đãi		
	N m 2012	N m 2011
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần ưu đãi		
Cổ phần phổ thông	13.000.000	14.000.000
Cổ phần ưu đãi	1.000.000	
<i>Mức giá cổ phần ưu đãi: 10.000 đồng/CP</i>		

5.18 V n ch s h u (Ti p theo)

i chi u bi n ng v n ch s h u

n v tính: VND

	V n u t ch s h u	Th ng d v n c ph n	C phi u qu	Chênh l ch ánh giá l i tài s n	Chênh l ch t giá	Qu đ phòng tài chính	Qu u t phát tri n	Qu khác thu c V n ch s h u	L i nhu n sau thu ch a phân ph i	T ng
S đ t i 01/01/11	100.000.000.000	13.832.187.500	-	524.655.934	722.572.897	5.356.316.600	7.944.300.063	1.395.223.211	108.173.363.179	237.948.619.384
T ng trong n m	40.000.000.000	12.000.000.000	-	-	4.218.659	3.796.740.181	3.852.573.331	1.866.762.277	43.383.221.799	104.903.516.247
V n góp	40.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	52.000.000.000
Phân ph i l i nhu n	-	-	-	-	-	-	-	-	43.180.216.613	43.180.216.613
Trích l p các qu	-	-	-	-	-	3.796.740.181	3.852.573.331	1.866.762.277	-	9.516.075.789
T ng khác	-	-	-	-	4.218.659	-	-	-	203.005.186	207.223.845
Gi m trong n m	-	-	-	-	38.187.305	-	-	-	37.616.643.057	37.654.830.362
Chia c t c	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Trích qu	-	-	-	-	-	-	-	-	15.146.933.773	15.146.933.773
Gi m khác	-	-	-	-	38.187.305	-	-	-	2.469.709.284	2.507.896.589
S đ t i 31/12/11	140.000.000.000	25.832.187.500	-	524.655.934	688.604.251	9.153.056.781	11.796.873.394	3.261.985.488	113.939.941.921	305.197.305.269
S đ t i 01/01/12	140.000.000.000	25.832.187.500	-	524.655.934	688.604.251	9.153.056.781	11.796.873.394	3.261.985.488	113.939.941.921	305.197.305.269
T ng trong n m	-	-	(18.106.000.000)	-	28.434.973	-	-	-	61.304.528.766	43.226.963.739
L i nhu n sau thu	-	-	-	-	-	-	-	-	61.304.528.766	61.304.528.766
T ng khác	-	-	(18.106.000.000)	-	28.434.973	-	-	-	-	(18.077.565.027)
Gi m trong n m	-	-	-	91.814.788	-	-	-	-	26.727.759.183	26.819.573.971
Chia c t c 2011	-	-	-	-	-	-	-	-	25.917.808.219	25.917.808.219
Trích qu	-	-	-	-	-	-	-	-	730.403.576	730.403.576
Gi m khác	-	-	-	91.814.788	-	-	-	-	79.547.389	171.362.177
S đ t i 31/12/12	140.000.000.000	25.832.187.500	(18.106.000.000)	432.841.146	717.039.224	9.153.056.781	11.796.873.394	3.261.985.488	148.516.711.504	321.604.695.037

5.19 Lợi ích công ty sử dụng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vận chuyển hàng hóa	8.728.146.700	26.359.149.650
Chi phí khấu hao tài sản	78.698.390	429.263.946
Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	1.466.550.059	2.004.228.678
Tổng	10.273.395.149	28.792.642.274

5.20 Doanh thu thu nhập bán hàng cung cấp dịch vụ

	N m 2012	N m 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	926.520.163.383	540.839.433.763
Doanh thu gia công sản phẩm	429.558.465.629	385.805.951.224
Doanh thu khác	51.379.894.917	132.194.758.491
Doanh thu kinh doanh nhà dân	-	18.138.600.000
Tổng	1.407.458.523.929	1.076.978.743.478
Các khoản ghi giảm	17.542.400	8.595.600
Doanh thu thuần	1.407.440.981.529	1.076.970.147.878

5.21 Giá trị hàng bán

	N m 2012	N m 2011
	VND	VND
Giá trị hoạt động xây lắp	754.819.975.403	418.190.515.279
Giá trị gia công sản phẩm	386.171.986.546	360.894.581.432
Giá trị khác	41.038.866.080	125.821.789.868
Giá trị kinh doanh nhà dân	-	17.723.817.181
Tổng	1.182.030.828.029	922.630.703.760

5.22 Doanh thu/Chi phí hoạt động tài chính

	N m 2012	N m 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tín dụng, tín dụng	1.033.581.023	6.758.061.469
Lãi chênh lệch tỷ giá	141.916.556	280.594.499
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng	1.175.497.579	7.038.655.968
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	62.090.145.136	70.227.635.786
Lãi chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng	181.468.814	2.182.464.022
Chi phí tài chính khác	6.221.544	102.684.145
Tổng	62.277.835.494	72.512.783.953
Lãi (l) hoạt động tài chính	(61.102.337.915)	(65.474.127.985)

5.23 Thu nhập/Chi phí khác

	N m 2012 VND	N m 2011 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	650.818.182	512.795.000
Phân bổ l i th th ng m i	-	14.638.624.155
Hoàn nhập chi phí b o hành	-	10.374.066.523
Hoàn nhập chi phí trích tr c	-	21.747.238.288
Thu nhập khác	1.927.077.626	829.432.111
T ng	2.577.895.808	48.102.156.077
Chi phí khác		
Giá trị còn l i c a Tài sản cố định	206.521.197	35.943.161
Chi phí khác	909.887.700	9.502.813.417
T ng	1.116.408.897	9.538.756.578
Lãi (l) ho t ng khác	1.461.486.911	38.563.399.499

5.24 Chi phí Thu thu nhập doanh nghiệp

	N m 2012 VND	N m 2011 VND
L i nhu n k toán tr c thu	78.214.585.163	56.745.839.024
<i>Các khoản i u ch nh t ng</i>	<i>155.028.519</i>	<i>9.118.588.408</i>
<i>Các khoản i u ch nh gi m</i>	<i>(3.842.491.080)</i>	<i>(2.651.640.148)</i>
Thu nhập ch u thu	74.527.122.602	63.212.787.284
<i>Trong ó:</i>		
L i nhu n tính thu c a ho t ng c h ng u ãi thu thu nhập doanh nghiệp	49.943.001.558	50.833.789.493
Thu suất áp d ng	25%	25%
T l u ãi	30%	30%
Chi phí thu TNDN ph i n p	8.740.025.336	8.895.913.161
L i nhu n tính thu c a các ho t ng khác	24.584.121.044	12.378.997.791
Thu suất áp d ng	25%	25%
Thu TNDN c m i n, gi m		
Chi phí thu TNDN ph i n p	6.146.030.261	3.094.749.448
T ng chi phí thu thu nhập doanh nghiệp	14.886.055.597	11.990.662.609

5.25 Lãi c b n trên c phi u

	N m 2012 VND	N m 2011 VND
L i n h u n k t o á n s a u t h u t h u n h p d o a n h n g h i p	61.304.528.766	43.180.216.613
L i n h u n h o c l p h â n b c h o c ô n g s h u c p h i u p h t h ô n g	61.304.528.766	43.180.216.613
C p h i u p h t h ô n g a n g l u h à n h b ì n h q u â n t r o n g k (C P)	13.852.055	12.958.904
L ã i c b n t r ê n c p h i u (V N D / c p h i u)	4.426	3.332

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	N m 2012 VND	N m 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	732.910.760.365	591.432.077.756
Chi phí nhân công trực tiếp	351.061.153.478	222.387.638.081
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	20.351.219.616	18.734.049.016
Chi phí máy thi công	10.355.127.556	10.243.025.273
Chi phí sản xuất chung	93.743.306.408	83.527.750.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.555.429.368	46.668.304.004
Chi phí khác bổ sung	156.852.064.193	137.857.156.318
T ổng	1.490.829.060.984	1.110.850.001.126

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chính

Bên liên quan	M i quan h	Tính chất giao dịch	N m 2012 VND	N m 2011 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		Thu nhập	3.264.315.505	2.930.650.803
T ổng			3.264.315.505	2.930.650.803

7. BÁO CÁO BỔ SUNG

Tài sản bổ sung và nợ bổ sung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Xây l p	S n xu t công nghi p	Khác	T ng
TÀI SẢN				
Tài sản c nh	19.352.924.692	40.593.327.649	553.494.067	60.499.746.408
Xây d ng c b n d dang	-	37.684.448	-	37.684.448
Các kho n ph i thu	342.272.850.789	67.614.495.181	71.027.566.111	480.914.912.081
Hàng t n kho	122.487.652.451	72.472.169.076	236.523.328.388	431.483.149.915
Tài s n không th phân b	-	-	-	266.176.734.887
T ng tài s n	484.113.427.932	180.717.676.354	308.104.388.566	1.239.112.227.739
N PH I TR				
Các kho n ph i tr	219.116.483.007	82.698.414.263	111.115.150.669	412.930.047.939
Ph i tr ti n vay	289.379.661.952	123.257.587.288	585.000.000	413.222.249.240
N ph i tr không phân b	-	-	-	85.281.840.375
T ng n ph i tr	508.496.144.959	205.956.001.551	111.700.150.669	911.434.137.554

7. BÁO CÁO B PH N (Ti p theo)

B ph n theo l nh v c kinh doanh cho n m tài chính k t thúc ngày 31/12/2012

n v tính:

VND

	Xây l p	S n xu t công nghi p	Khác	T ng
DOANH THU				
Doanh thu thu n t bán hàng ra bên ngoài	926.520.163.382	429.558.465.629	51.379.894.917	1.407.458.523.929
Doanh thu thu n t bán hàng cho các b ph n khác	-	-	-	-
T ng doanh thu	926.520.163.382	429.558.465.629	51.379.894.917	1.407.458.523.929
K T QU HO T NG KINH DOANH				
L i nhu n t ho t ng kinh doanh ch a bao g m lãi ti n vay	108.433.578.415	25.468.507.733	6.590.334.510	140.492.420.657
Chi phí tài chính phân b	(39.121.938.877)	(20.748.800.116)	(2.407.096.501)	(62.277.835.494)
K t qu kinh doanh b ph n	69.311.639.537	4.719.707.617	4.183.238.009	78.214.585.163
<i>Thu nh p/(l) khác không liên quan n H SXKD</i>	-	-	-	-
L i nhu n k toán tr c thu	-	-	-	78.214.585.163
Thu thu nh p doanh nghi p	-	-	-	14.501.566.799
L i nhu n trong n m				63.713.018.365

8. CÔNG C TÀI CHÍNH

Qu n lý r i ro v n

Công ty qu n tr ngu n v n nh m m b o r ng Công ty có th v a ho t ng liên t c v a t i a hóa l i ích c a các c ông thông qua t i u hóa s đ ngu n v n và công n .

Các lo i công c tài chính

	Giá tr ghi s	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<u>Tài s n tài chính</u>		
Ti n và các kho n t ng ng ti n	74.723.627.463	69.774.259.178
Ph i thu khách hàng và ph i thu khác	475.863.963.436	520.326.282.121
u t ng nh n	-	6.330.000.000
u t dài h n	98.152.070.000	88.096.500.000
T ng	648.739.660.899	684.527.041.299
<u>Công n tài chính</u>		
Các kho n vay	413.222.249.240	498.090.383.975
Ph i tr ng i bán và ph i tr khác	235.669.125.147	204.753.879.704
Chi phí ph i tr	16.384.089.781	27.047.796.267
T ng	665.275.464.168	729.892.059.946

Thông t s 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 v vi c “h ng d n áp d ng Chu n m c k toán Qu c t v trình bày Báo cáo tài chính và thuy t minh thông tin i v i công c tài chính”, tuy nhiên Thông t 210/2009/TT-BTC c ng nh các quy nh hi n hành ch a có h ng d n c th v vi c xác nh giá tr h p lý c a các tài s n tài chính và công n tài chính.

R i ro th tr ng

Ho t ng kinh doanh c a Công ty s ch y u ch u r i ro khi có s thay i v lãi su t và giá hàng hóa.

Qu n lý r i ro lãi su t

Công ty ch u r i ro lãi su t phát sinh t các kho n vay ch u lãi su t ã c ký k t. Công ty ch u r i ro lãi su t khi các n v thu c Công ty vay v n theo lãi su t th n i và lãi su t c nh. R i ro này s do Công ty qu n tr b ng cách duy trì m c h p lý các kho n vay lãi su t c nh và lãi su t th n i.

R i ro v giá

Công ty ch u r i ro v giá c a công c v n phát sinh t các kho n u t vào công c v n. Các kho n u t vào công c v n c n m gi không ph i cho m c ích kinh doanh mà cho m c ích chi n l c lâu dài. Công ty không có ý nh bán các kho n u t này.

R i ro v giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, d ch v t các nhà cung c p ch y u là trong n c ph c cho ho t ng kinh doanh. Do v y, Công ty s ch u r i ro t vi c thay i giá bán t nhà cung c p. Công ty không th c hi n các bi n pháp phòng ng a r i ro này do thi u th tr ng mua các công c tài chính này.

8. CÔNG CỐ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty phụ thuộc vào tình hình đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bổ các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty quản lý nhằm đảm bảo các nghĩa vụ công nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn trong kỳ mà có thể kiểm soát được dòng tiền mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi theo dõi theo dõi các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức độ phòng ngừa tài chính, các khoản vay và vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn. Ban Giám đốc đánh giá mức độ trung tâm rủi ro thanh khoản của công ty.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mô hình theo hợp đồng còn lại về các công cụ tài chính phi phái sinh và thị trường thanh toán nhằm đảm bảo thu nhập. Bảng này trình bày dựa trên dòng tiền của chi tiêu của công cụ tài chính tính theo ngày số mệnh mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và lãi. Ngày báo cáo theo hợp đồng dựa trên ngày số mệnh mà Công ty phải trả.

	<i>D i l n m</i>	<i>T 1 n m n 5 n m</i>	<i>T n g n g</i>
T i ngày 31/12/2012			
Các khoản vay và nợ	409.022.249.240	4.200.000.000	413.222.249.240
Phải trả ngắn hạn và phải trả khác	229.554.804.945	6.114.320.202	235.669.125.147
Chi phí phải trả	16.384.089.781	-	16.384.089.781
	<u>654.961.143.966</u>	<u>10.314.320.202</u>	<u>665.275.464.168</u>
T i ngày 01/1/2012			
Các khoản vay và nợ	491.090.383.975	7.000.000.000	498.090.383.975
Phải trả ngắn hạn và phải trả khác	198.545.256.367	6.208.623.337	204.753.879.704
Chi phí phải trả	27.047.796.267	-	27.047.796.267
	<u>716.683.436.609</u>	<u>13.208.623.337</u>	<u>729.892.059.946</u>

Công ty cho rằng mức độ trung tâm rủi ro về các công cụ tài chính là thấp, Công ty không ngừng tiếp tục các nguồn vốn và các khoản vay ngắn hạn thanh toán trong vòng 12 tháng cần lưu ý tình hình cho các hoạt động của Công ty.

9. M T S CH TIÊU ÁNH GIÁ TH C TR NG TÀI CHÍNH VÀ K T QU HO T NG KINH DOANH C A CÔNG TY

TT	Ch tiêu	VT	N m 2012	N m 2011
1.	B trí c c u tài s n và c c u v n			
1.1	B trí c c u tài s n			
	Tài s n dài h n/T ng tài s n	%	16,73	16,99
	Tài s n ng n h n/T ng tài s n	%	83,27	83,01
1.2	B trí c c u ngu n v n			
	N ph i tr /T ng ngu n v n	%	73,22	72,88
	Ngu n v n ch s h u/T ng ngu n v n	%	25,95	24,78
2.	Kh n ng thanh toán			
2.1	Kh n ng thanh toán hi n hành	L n	1,14	1,14
2.2	Kh n ng thanh toán n h n	L n	1,14	1,15
2.3	Kh n ng thanh toán nhanh	L n	0,08	0,08
3.	T su t sinh l i			
3.1	T su t l i nhu n trên doanh thu			
	T su t l i nhu n tr c thu trên doanh thu	%	5,56	5,27
	T su t l i nhu n sau thu trên doanh thu	%	4,36	4,01
3.2	T su t l i nhu n trên T ng tài s n			
	T su t l i nhu n tr c thu trên T ng tài s n	%	6,31	4,61
	T su t l i nhu n sau thu trên T ng tài s n	%	4,95	3,51
3.3	T su t l i nhu n sau thu /V n ch s h u	%	19,06	14,15

3. i v i Báo cáo tài chính Công ty m n m 2012, m i quý c quan h u quan, quý c ông, nhà cung c p xem t i Website Công ty: <http://www.pcc1.vn> M c tin t c.

Hà N i, ngày 30 tháng 3 n m 2013

**CÔNG TY C PH N XÂY L P I N 1
NG I I DI N TR C PHÁP LU T**

Tr nh V n Tu n

(ã ký)